

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ
KHOAN DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA	1
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	5 - 6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI	7 - 39

Số: 428 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí**

Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm tra việc quy đổi sang đồng Việt Nam đối với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (gọi tắt là "Công ty Mẹ") và các công ty con (gọi chung là "Tổng Công ty") được lập ngày 24 tháng 3 năm 2014, từ trang 2 đến trang 39. Công việc kiểm tra của chúng tôi được thực hiện theo các thủ tục đã thỏa thuận trước với Tổng Công ty như trình bày sau đây và phù hợp với Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 920 "Kiểm tra các thông tin tài chính trên cơ sở các thủ tục thỏa thuận trước". Các thủ tục đã được thực hiện như sau:


- Thu thập báo cáo tài chính hợp nhất đã được chuyển đổi sang đồng Việt Nam do Tổng Công ty lập, so sánh số liệu sử dụng để chuyển đổi với số liệu trình bày tại báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Tổng Công ty.
- So sánh tỷ giá sử dụng quy đổi sang đồng Việt Nam có phù hợp với phương pháp chuyển đổi báo cáo cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty Mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, cụ thể các khoản mục tài sản và công nợ (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của năm và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Kiểm tra tính chính xác về toán học của việc quy đổi ra Đồng Việt Nam.


Chúng tôi báo cáo kết quả kiểm tra như sau:

- Thủ tục a: Số liệu sử dụng để chuyển đổi phù hợp với số liệu trình bày tại báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.
- Thủ tục b: Các khoản mục tài sản và công nợ (bao gồm cả số liệu so sánh) đã được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của năm và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty.
- Thủ tục c: Kết quả quy đổi ra Đồng Việt Nam chính xác về số học, không phát hiện chênh lệch.

Chúng tôi thực hiện công việc kiểm tra Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 theo yêu cầu của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 920 – Kiểm tra thông tin tài chính trên cơ sở các thủ tục thỏa thuận trước và chúng tôi báo cáo kết quả kiểm tra về các nội dung kiểm tra như đã đề cập tại các mục a, b và c nêu trên.




Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công Ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 24 tháng 3 năm 2014
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam


Nguyễn Thị Thu Sang
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1144-2013-001-1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MÃ B 01-DN/HN

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã Thuyết		31/12/2013	31/12/2012
	số	minh		
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		7.967.393.100.824	5.078.601.899.164
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.597.616.954.888	1.067.748.648.852
1. Tiền	111		937.662.892.177	723.534.498.572
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.659.954.062.711	344.214.150.280
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		20.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		20.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.184.484.001.932	3.117.236.762.212
1. Phải thu khách hàng	131		3.906.177.217.068	3.003.523.651.056
2. Trả trước cho người bán	132		146.296.755.240	53.631.975.032
3. Các khoản phải thu khác	135		136.994.341.536	64.020.918.948
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(4.984.311.912)	(3.939.782.824)
IV. Hàng tồn kho	140	6	1.043.709.154.716	787.832.554.888
1. Hàng tồn kho	141		1.044.738.740.700	788.888.180.412
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.029.585.984)	(1.055.625.524)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		121.582.989.288	105.783.933.212
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		65.615.133.588	56.816.659.544
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		33.584.815.440	40.017.482.068
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		398.421.840	31.450.280
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		21.984.618.420	8.918.341.320
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260+270)	200		13.524.940.028.736	14.005.016.860.116
I. Tài sản cố định	220		12.482.423.783.508	13.317.644.351.704
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	12.313.643.456.964	13.054.984.089.116
- Nguyên giá	222		16.483.029.101.292	16.142.102.584.412
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.169.385.644.328)	(3.087.118.495.296)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	151.132.321.596	143.934.664.124
- Nguyên giá	228		212.779.140.000	192.028.244.848
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(61.646.818.404)	(48.093.580.724)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	17.648.004.948	118.725.598.464
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		957.444.305.196	458.296.979.264
1. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	10,11	941.665.180.560	425.072.403.600
2. Đầu tư dài hạn khác	258	12	33.429.317.328	33.224.575.664
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(17.650.192.692)	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		83.564.458.200	227.085.413.748
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	67.572.869.964	203.470.252.444
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	-	6.508.666.688
3. Tài sản dài hạn khác	268		15.991.588.236	17.106.494.616
IV. Lợi thế thương mại	270	15	1.507.481.832	1.990.115.400
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)	280		21.492.333.129.560	19.083.618.759.280

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 39 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01-DN/HN

Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã Thuyết		31/12/2013	31/12/2012
	số	minh		
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		11.624.526.500.304	12.066.474.358.240
I. Nợ ngắn hạn	310		6.764.871.378.948	5.690.763.124.928
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	1.829.467.935.552	1.940.772.805.772
2. Phải trả người bán	312		2.141.149.091.712	2.229.154.481.992
3. Người mua trả tiền trước	313		108.112.607.724	15.007.323.808
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	380.619.430.812	263.164.383.500
5. Phải trả người lao động	315		201.193.226.424	108.736.968.708
6. Chi phí phải trả	316	18	1.553.908.178.820	768.856.184.916
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	312.658.046.964	149.870.810.748
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	20	101.570.159.292	135.696.107.068
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		136.192.701.648	79.504.058.416
II. Nợ dài hạn	330		4.859.655.121.356	6.375.711.233.312
1. Phải trả dài hạn khác	333	11	523.046.550.744	1.151.539.338.776
2. Vay và nợ dài hạn	334	21	3.783.480.645.048	4.867.903.560.084
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	14	103.139.508	-
4. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	25.160.703.044
5. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.048.308.024	5.403.199.760
6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	22	551.976.478.032	325.704.431.648
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		9.838.241.877.560	6.992.136.471.376
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	9.838.241.877.560	6.992.136.471.376
1. Vốn điều lệ	411		2.755.286.950.000	2.105.082.150.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.446.049.927.854	1.382.130.231.854
3. Cổ phiếu quỹ	414		(11.963.553.191)	(15.407.860.950)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		683.185.976.226	673.496.144.515
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		735.587.990.807	554.469.675.707
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		338.229.607.392	262.334.956.772
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.891.864.978.472	2.030.031.173.478
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	24	29.564.751.696	25.007.929.664
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (600=300+400+500)	600		21.492.333.129.560	19.083.618.759.280
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			31/12/2013	31/12/2012
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ			10.675.390.677	-
2. Ngoại tệ các loại				
Đồng Euro ("EUR")			6.114	6.114
Bảng Anh ("GBP")			8.238	-
Dinars Algeria ("DZD")			64.744.136	63.593.207
Đô la Singapore ("SGD")			19.751	13.289



Phạm Tiến Dũng
 Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2014

Hồ Ngọc Yến Phương
 Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đắc Tùng
 Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
 Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 39 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 02-DN/HN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Thuyết		2013	2012
	Mã	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	14.866.679.679.275	11.929.456.110.560
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		14.866.679.679.275	11.929.456.110.560
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	11.533.399.684.135	9.246.655.833.296
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.333.279.995.140	2.682.800.277.264
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	98.811.190.240	54.220.907.560
6. Chi phí tài chính	22	28	346.480.174.605	420.438.381.880
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		222.995.412.065	301.836.314.284
7. Chi phí bán hàng	24		45.118.986.390	38.333.454.956
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		945.758.282.965	751.858.599.912
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		2.094.733.741.420	1.526.390.748.076
10. Thu nhập khác	31		63.296.302.580	174.108.187.724
11. Chi phí khác	32		88.775.809.575	63.954.602.596
12. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(25.479.506.995)	110.153.585.128
13. Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	50	10	221.846.289.915	60.780.436.224
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (60=30+40+50)	60		2.291.100.524.340	1.697.324.769.428
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61	29	291.309.373.575	252.602.858.776
16. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62	14	6.625.885.630	(2.800.886.956)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (70=60-61-62)	70		1.993.165.265.135	1.447.522.797.608
Phân bổ cho:				
- Lợi ích của cổ đông thiểu số	24		8.875.100.160	8.308.995.097
- Lợi ích của các bên BCC	11		100.892.347.446	117.424.456.472
- Cổ đông của Tổng Công ty			1.883.397.817.529	1.321.789.346.039
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	30	7.533	5.621

Phạm Thiên Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2014

Hồ Ngọc Yến Phương
Phó Tổng Giám đốcĐoàn Đắc Tùng
Kế toán trưởngTrần Kim Hoàng
Người lập biểu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**Mẫu B 03-DN/HN**Đơn vị:
VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>2.291.100.524.340</i>	<i>1.697.324.769.428</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.103.264.409.330	1.022.587.921.292
Các khoản dự phòng	03	(42.071.290.025)	55.186.535.296
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	25.780.070.790	(2.253.027.244)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(284.600.459.735)	(86.911.203.368)
Chi phí lãi vay	06	222.995.412.065	301.836.314.284
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi về vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>3.316.468.666.765</i>	<i>2.987.771.309.688</i>
Biến động các khoản phải thu	09	(907.067.932.635)	(935.576.056.200)
Biến động hàng tồn kho	10	(246.781.696.260)	215.887.135.408
Biến động các khoản phải trả	11	1.247.223.497.195	1.109.477.186.610
Biến động chi phí trả trước	12	137.788.098.850	(43.853.583.108)
Tiền lãi vay đã trả	13	(279.920.189.265)	(280.354.210.944)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(295.437.865.810)	(222.129.953.504)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(224.064.060.075)	(140.748.563.308)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>2.748.208.518.765</i>	<i>2.690.473.264.642</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(235.892.502.555)	(812.853.751.988)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	1.860.284.100	318.168.528
3. Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25	(536.616.970.000)	(164.608.440.350)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	3.892.478.956	20.816.670.000
5. Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	178.590.099.825	74.222.764.940
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(588.166.609.674)</i>	<i>(882.104.588.870)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền nhận vốn góp của cổ đông	31	1.463.919.696.000	-
2. Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(1.524.783.752)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	593.593.879.030	1.798.985.216.856
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.384.962.785.255)	(2.892.883.107.288)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(304.820.017.953)	(313.867.691.796)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(632.269.228.178)</i>	<i>(1.409.290.365.980)</i>
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền trong năm	50	1.527.772.680.913	399.078.309.792
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.067.748.648.852	668.192.690.536
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	11.675.148.288	477.648.524
Ảnh hưởng của việc chuyển đổi đồng tiền hạch toán	62	(9.579.523.165)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	2.597.616.954.888	1.067.748.648.852

T.N.H.H * H.N.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 03-DN/HN

Đơn vị: VNĐ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác không bao gồm số tiền 17.859.648.500 đồng (năm 2012: 59.775.316.307 đồng) là giá trị tài sản mua sắm trong năm chưa thanh toán. Tuy nhiên, tiền mua tài sản cố định trên đã bao gồm 59.775.316.307 đồng (năm 2012: 459.851.956.088 đồng) là giá trị tài sản mua trong năm trước được thanh toán trong năm này.

Tiền thu lãi cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm số tiền 102.056.680.485 đồng (năm 2012: 60.780.436.224 đồng) là số cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm còn phải thu từ các công ty con và công ty liên doanh, liên kết. Tuy nhiên, tiền thu lãi cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm đã bao gồm số tiền 60.780.436.224 đồng (năm 2012: 75.016.540.848 đồng) là số cổ tức và lợi nhuận được chia của năm trước đã thu trong năm nay.

Tiền thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 14.483.628.530 đồng là số lãi phát sinh còn phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (năm 2012: 1.369.024.440 đồng). Tuy nhiên, tiền thu lãi tiền gửi và cho vay trong năm đã bao gồm 1.369.024.440 đồng (năm 2012: 1.588.155.828 đồng) là số lãi tiền gửi của năm trước đã thu trong năm nay.

Ngoài ra, tiền thu lãi cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm số tiền 7.571.645.190 đồng là số cổ tức và lợi nhuận được chia đã được thanh toán cản trừ công nợ nội bộ. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền, nên không được trình bày ở báo cáo trên.

Cổ tức đã trả cho cổ đông trong năm không bao gồm số tiền 5.569.680.684 đồng (năm 2012: 5.287.333.596 đồng) là số cổ tức đã công bố nhưng chưa chi trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Tuy nhiên, cổ tức đã trả cho cổ đông trong năm đã bao gồm 5.287.333.596 đồng (năm 2012: 163.653.136) là số cổ tức của năm trước đã trả trong năm nay.


Tiền nhận vốn góp của cổ đông không bao gồm số tiền 250.204.800.000 đồng là cổ tức năm 2012 đã trả cho cổ đông bằng việc phát hành cổ phiếu trong năm. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền, nên không được trình bày ở báo cáo trên.


Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được không bao gồm số tiền 515.291.662.597 đồng là nợ vay dài hạn với Ngân hàng Standard Chartered mà Công ty TNHH Một thành viên Khoan dầu khí Nước sâu PVD nhận chuyển giao từ Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam bằng hình thức cản trừ công nợ phải trả.





Phan Tiên Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2014


Hồ Ngọc Yến Phương
Phó Tổng Giám đốc


Đoàn Đắc Tùng
Kế toán trưởng


Trần Kim Hoàng
Người lập biểu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty bao gồm Công ty Mẹ, sáu công ty con và bảy công ty liên doanh, cụ thể như sau:

Công ty Mẹ

Công ty Mẹ được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004335 ngày 15 tháng 02 năm 2006 và Giấy chứng nhận điều chỉnh lần 9 ngày 20 tháng 01 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (sau đây gọi là “Petro Việt Nam”).

Công ty Mẹ có hai Xi nghiệp trực thuộc và một Chi nhánh hoạt động tại nước ngoài với thông tin chi tiết như sau:

- Xi nghiệp Điều hành Khoan được thành lập theo Nghị quyết ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Hội đồng Quản trị và Quyết định số 1249/QĐ-PVD ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Tổng Giám đốc về việc chuyển đổi Ban điều hành Khoan thành Xi nghiệp Điều hành Khoan và theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0302495126-007 ngày 16 tháng 3 năm 2010 thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4113028028 cùng do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Xi nghiệp Điều hành Khoan đặt tại Lầu 3, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Xi nghiệp Dịch vụ Đầu tư Khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là “PVD Invest”) được thành lập theo quyết định số 06/12/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng Quản trị và theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0302495126 ngày 18 tháng 01 năm 2010, và theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 19 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của PVD Invest đặt tại Lầu 3, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh Algeria được thành lập theo quyết định số 13/QĐ-HĐQT ngày 02 tháng 3 năm 2006 của Hội đồng Quản trị và giấy chứng nhận thành lập số 04/STM-TT.TNNN ngày 23 tháng 3 năm 2006 do Sở Thương mại thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Chi nhánh Algeria đặt tại Cité Si El, Houas, No. 02, Villa No. 101, Hassi Messaoud, Ouargla, Algeria. Chi nhánh Algeria thuộc sự quản lý và điều hành trực tiếp của Xi nghiệp Điều hành Khoan.

Các công ty con

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD (sau đây gọi tắt là “PVD Offshore”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500803145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 9 năm 2009 và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Offshore đặt tại Số 43A 30 tháng 4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí PVD (sau đây gọi tắt là “PVD Well”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 8 năm 2007 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Well đặt tại phòng 13, Lầu 12A, Tòa nhà Vicom Center, Số 47 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Địa Vật lý Giếng khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là “PVD Logging”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 8 năm 2007 và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Logging đặt tại Lầu 10, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD (trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí, sau đây gọi tắt là “PVD Tech”) được chuyển đổi hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn sang hình thức công ty cổ phần và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 12 tháng 7 năm 2012 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số 035124602 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 7 năm 2012. Trụ sở đăng ký của PVD Tech đặt tại Lầu 8, Tòa nhà Green Power, Số 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD (sau đây gọi tắt là “PVD Training”), trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000441 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 12 tháng 10 năm 2007 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Training đặt tại Khu công nghiệp Đồng Xuyên, Đường 30 tháng 4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Khoan dầu khí Nước sâu PVD (sau đây gọi tắt là “PVD DeepWater”), là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310139354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 7 năm 2010 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD DeepWater đặt tại Lầu 5, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. PVD DeepWater được ủy quyền của Tổng Công ty và các bên đối tác trong hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) bao gồm Petro Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quân đội (“MBBank”) và Ngân hàng TMCP Đại Dương (“OceanBank”) để quản lý và điều hành dự án hợp tác góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan tiếp trụ nửa chìm nửa nổi (“TAD” hay “PV Drilling V”). Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của BCC - dự án TAD được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 11.

Quyền sở hữu của Tổng Công ty và vốn điều lệ cùng tình hình góp vốn của Tổng Công ty vào các công ty con được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 15.

Các công ty liên doanh

Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ BJ - PV Drilling (sau đây gọi tắt là “BJ - PVD”) là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 49202100003 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 9 năm 2006 và các giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Tổng vốn điều lệ của BJ - PVD là 5 triệu đô la Mỹ, trong đó Công ty Mẹ nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 49% tại công ty này. Trụ sở đăng ký của BJ-PVD đặt tại Số 65A 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes (sau đây gọi tắt là “PVD - Baker Hughes”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000556 Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 01 năm 2011. Tổng vốn điều lệ của PVD-Baker Hughes là 20 triệu đô la Mỹ, trong đó Công ty Mẹ nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại công ty này. Trụ sở đăng ký của PVD - Baker Hughes đặt tại Lầu 10, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty liên doanh PV Drilling Overseas (sau đây gọi tắt là “PVD Overseas”) được thành lập tại Singapore theo hợp đồng liên doanh với Falcon Energy Group Limited và Giấy đăng ký doanh nghiệp số 201308977C ngày 04 tháng 4 năm 2013. Tổng vốn điều lệ đăng ký tại thời điểm thành lập của PVD Overseas là 1.000 đô la Mỹ và số vốn này sẽ tăng lên tối đa là 70 triệu đô la Mỹ để đầu tư một giàn khoan tự nâng thế hệ mới, trong đó Tổng Công ty hiện đang nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 55% tại công ty này. Tiến độ góp vốn vào liên doanh này sẽ được thực hiện theo tiến độ đầu tư giàn khoan. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty đã thực hiện góp vốn vào liên doanh này với số tiền là 19.182.000 đô la Mỹ. Trụ sở đăng ký của PVD Overseas đặt tại Số 10 Anson Road #22-14 International Plaza Singapore 079903.

500
NH.
G
I
E
M
O
I
F
N
H

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

Công ty TNHH PV Drilling Expro International (trước đây là Công ty TNHH PV Drilling Production Testers International, sau đây gọi tắt là “PVD - Expro”) là một công ty liên doanh được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 491022000098 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 25 tháng 4 năm 2008. Tổng vốn điều lệ của PVD - Expro là 4 triệu đô la Mỹ, trong đó PVD Logging nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại công ty này. Trụ sở đăng ký của PVD - Expro đặt tại Số 65A 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “PVD Tubulars”) là một công ty liên doanh được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492022000134 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 07 tháng 10 năm 2008. Tổng vốn điều lệ của PVD Tubulars là 3,5 triệu đô la Mỹ, trong đó PVD Tech nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại công ty này. Trụ sở đăng ký của PVD Tubulars đặt tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Liên doanh PVD Tech - Oil States Industries (sau đây gọi tắt là “PVD - OSI”), được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492022000217 do Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 24 tháng 11 năm 2011 với vốn điều lệ là 105 tỷ đồng (tương đương 5 triệu đô la Mỹ). PVD Tech hiện đang nắm giữ 51% vốn điều lệ của PVD - OSI. Hoạt động kinh doanh chính của PVD - OSI là sản xuất, chế tạo, ren, tiện các loại đầu nối ống và cấu kiện phụ tùng thay thế và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng các đầu nối ống trong khoan thăm dò và khai thác dầu khí.

Công ty TNHH Vietubes (“Vietubes”), được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492022000111 do Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 15 tháng 02 năm 1995 và sửa đổi ngày 28 tháng 5 năm 2012 với vốn điều lệ là 77.297.205.000 đồng (tương đương 3.707.300 đô la Mỹ), PVD Tech hiện đang nắm giữ 51% vốn điều lệ của Vietubes. Hoạt động kinh doanh chính của Vietubes là gia công kim loại, bao gồm cắt, định dạng và ổn định cấu trúc kim loại, sản xuất các loại phụ kiện cơ khí phục vụ cho ngành khoan thăm dò, khai thác dầu khí và cơ khí hàng hải, ren, gia công, sửa chữa, phục hồi các loại ống chống, cần khoan, ống khai thác, ống dẫn và các phụ kiện ngành công nghiệp Dầu khí.

Quyền sở hữu của Tổng Công ty và vốn điều lệ cùng tình hình góp vốn của Tổng Công ty vào các công ty liên doanh được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 10.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm cung cấp các loại hình dịch vụ khoan, dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng giàn khoan, vật tư, thiết bị khoan, cung ứng lao động cho các giàn khoan, tư vấn đầu tư - quản lý dự án, hoạt động tư vấn quản lý, và cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng Công ty được trình bày bằng đồng Đô la Mỹ (“USD”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng Đô la Mỹ sang đồng Việt Nam (“VND”) theo nguyên tắc: tỷ giá sử dụng quy đổi từ USD sang VND đối với các khoản mục tài sản và công nợ (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 21.036 VND/USD (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 20.828 VND/USD). Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân trong năm là 20.935 VND/USD (năm 2012: 20.828 VND/USD) và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty Mẹ kiểm soát cho đến ngày lập báo cáo hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty Mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính. Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Tổng Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ các cổ đông thiểu số phải gánh chịu vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được ghi giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi các cổ đông này có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia liên doanh đều có lợi ích được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty hạch toán lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các thỏa thuận liên doanh liên quan đến việc đồng kiểm soát và đồng sở hữu đối với tài sản được mua bởi các bên góp vốn liên doanh và được sử dụng cho mục đích liên doanh được gọi là tài sản được đồng kiểm soát. Tổng Công ty hạch toán phần vốn góp vào tài sản được đồng kiểm soát và các phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác theo tỷ lệ cam kết của thỏa thuận liên doanh. Phần nợ phải trả phát sinh riêng được hạch toán toàn bộ vào báo cáo của Tổng Công ty.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty liên doanh được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên doanh. Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư khác và các khoản ký quỹ, ký cược.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Thiết bị văn phòng	3 - 4
Phương tiện vận tải	7
Tài sản khác	3 - 7

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê: Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh.

Tổng Công ty là bên đi thuê: Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính, và tài sản vô hình khác là giá trị lợi thế thương mại khi cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của quyền sử dụng đất. Phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng lần lượt trong 5 năm và 10 năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo phương pháp giá gốc bao gồm giá trị vốn và các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành tại Thông tư 89.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ và linh kiện phát sinh trong năm và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 1 đến 5 năm.

Ngoài ra, bao gồm trong khoản trả trước dài hạn là lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản của các giàn khoan, tài sản nhận về do sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Khoan Dầu khí Việt Nam trước đây, được kết chuyển và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm kể từ ngày đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí trích trước cho hoạt động của các giàn khoan, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các khoản chi phí phải trả khác. Chi phí phải trả phản ánh giá trị các khoản đã trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh nhưng chưa được thực chi tại thời điểm báo cáo. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được trích trước theo yêu cầu đặc thù và kỹ thuật đảm bảo hoạt động của các giàn khoan phải được sửa chữa lớn định kỳ 3 năm và 5 năm một lần.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm, doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ cung cấp.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ của các tài khoản số dư bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại trong quá trình xây dựng các giàn khoan được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” và được bắt đầu phân bổ vào kết quả kinh doanh trong 5 năm từ ngày đưa các giàn khoan này vào hoạt động.

Để lập báo cáo tài chính hợp nhất, tài sản và công nợ của các công ty con và chi nhánh ở nước ngoài được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ hạch toán theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của năm và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Chênh lệch tỷ giá này được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi công ty con hoặc chi nhánh ở nước ngoài chấm dứt hoạt động hoặc được thanh lý.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền mặt	4.368.525.084	2.640.990.400
Tiền gửi ngân hàng	933.294.367.093	720.893.508.172
Các khoản tương đương tiền	1.659.954.062.711	344.214.150.280
	<u>2.597.616.954.888</u>	<u>1.067.748.648.852</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Hàng mua đang đi đường	94.663.724.952	5.990.757.640
Nguyên liệu, vật liệu	574.812.149.904	497.600.644.116
Công cụ, dụng cụ	2.101.349.148	641.065.012
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	15.856.873.692	13.506.312.332
Hàng hoá	328.745.096.568	225.374.497.688
Hàng gửi đi bán	28.559.546.436	45.774.903.624
	<u>1.044.738.740.700</u>	<u>788.888.180.412</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(1.029.585.984)</u>	<u>(1.055.625.524)</u>
	<u>1.043.709.154.716</u>	<u>787.832.554.888</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)****B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo***7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Tài sản khác VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2013	315.528.183.268	15.687.911.907.832	66.432.780.520	71.018.543.764	1.211.169.028	16.142.102.584.412
Tăng trong năm	12.449.667.670	134.099.686.810	7.763.053.895	16.580.520	-	154.328.988.895
XDCB hoàn thành	6.538.628.550	113.033.717.450	175.833.065	2.606.365.630	-	122.354.544.695
Phân loại lại	(528.922.775)	(8.611.591.315)	(23.641.560.540)	(116.880.105)	(78.883.080)	(32.977.837.815)
Thanh lý	-	(3.212.057.050)	(3.443.284.125)	(426.110.990)	-	(7.081.452.165)
Giảm khác	(36.992.145)	-	(517.471.330)	-	-	(554.463.475)
Chênh lệch tỷ giá	1.972.288.668	102.015.000.577	358.272.467	499.838.841	11.336.192	104.856.736.745
Tại ngày 31/12/2013	<u>335.922.853.236</u>	<u>16.025.236.664.304</u>	<u>47.127.623.952</u>	<u>73.598.337.660</u>	<u>1.143.622.140</u>	<u>16.483.029.101.292</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2013	71.582.503.520	2.927.424.366.628	41.717.046.868	45.973.561.088	421.017.192	3.087.118.495.296
Khấu hao trong năm	16.592.306.405	1.052.901.372.920	13.199.852.460	7.294.193.635	258.275.095	1.090.246.000.515
Phân loại lại	(323.969.125)	(6.194.582.760)	(17.647.346.665)	(27.445.785)	(71.953.595)	(24.265.297.930)
Thanh lý	-	(2.430.071.995)	(3.443.284.125)	(426.110.990)	-	(6.299.467.110)
Giảm khác	(36.992.145)	-	(517.471.330)	-	-	(554.463.475)
Chênh lệch tỷ giá	17.614.893	22.506.470.167	249.702.196	361.865.012	4.724.764	23.140.377.032
Tại ngày 31/12/2013	<u>87.831.463.548</u>	<u>3.994.207.554.960</u>	<u>33.558.499.404</u>	<u>53.176.062.960</u>	<u>612.063.456</u>	<u>4.169.385.644.328</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2013	<u>248.091.389.688</u>	<u>12.031.029.109.344</u>	<u>13.569.124.548</u>	<u>20.422.274.700</u>	<u>531.558.684</u>	<u>12.313.643.456.964</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>243.945.679.748</u>	<u>12.760.487.541.204</u>	<u>24.715.733.652</u>	<u>25.044.982.676</u>	<u>790.151.836</u>	<u>13.054.984.089.116</u>

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình hợp nhất báo cáo các công ty con và chi nhánh ở Algeria từ giá gốc tài sản thể hiện tương ứng bằng đồng Việt Nam và dinar Algeria sang đô la Mỹ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo*

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Tổng Công ty đã sử dụng một số tài sản với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 với số tiền là 10.309.338.706.538 đồng (2012: 11.026.021.178.292 đồng) làm đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 với giá trị là 188.747.655.672 đồng (2012: 133.268.312.076 đồng).

Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện phân loại lại một số tài sản cố định theo hướng dẫn tại Thông tư số 45.

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2013	127.507.308.104	31.138.318.216	33.382.618.528	192.028.244.848
Tăng trong năm	-	687.672.880	-	687.672.880
Đầu tư xây dựng cơ bản	-	18.070.798.910	-	18.070.798.910
Chênh lệch tỷ giá	1.273.358.944	385.687.010	333.377.408	1.992.423.362
Tại ngày 31/12/2013	<u>128.780.667.048</u>	<u>50.282.477.016</u>	<u>33.715.995.936</u>	<u>212.779.140.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2013	10.215.509.160	22.251.572.972	15.626.498.592	48.093.580.724
Khấu hao trong năm	2.207.993.515	4.953.597.830	5.856.817.470	13.018.408.815
Chênh lệch tỷ giá	112.670.129	237.847.862	184.310.874	534.828.865
Tại ngày 31/12/2013	<u>12.536.172.804</u>	<u>27.443.018.664</u>	<u>21.667.626.936</u>	<u>61.646.818.404</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2013	<u>116.244.494.244</u>	<u>22.839.458.352</u>	<u>12.048.369.000</u>	<u>151.132.321.596</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>117.291.798.944</u>	<u>8.886.745.244</u>	<u>17.756.119.936</u>	<u>143.934.664.124</u>

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo hạng mục:

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Chi phí triển khai ERP giai đoạn 2	-	9.542.889.728
Phí bản quyền phần mềm quản lý nhân sự	171.990.336	5.530.188.076
Mua thiết bị khoan	-	94.606.961.916
Các công trình xây dựng cơ bản khác	17.476.014.612	9.045.558.744
	<u>17.648.004.948</u>	<u>118.725.598.464</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

Tóm tắt các thông tin tài chính liên quan đến các công ty liên doanh của Tổng Công ty:

Tên công ty liên doanh	Vốn điều lệ	Tỷ lệ	Vốn đã góp	
	đăng ký	sở hữu	31/12/2013	31/12/2012
	USD	%	VND	VND
BJ - PVD	5.000.000	49	48.039.113.955	48.039.113.955
PVD - Expro	4.000.000	51	34.238.560.029	34.238.560.029
PVD Tubulars	3.500.000	51	30.548.750.000	30.548.750.000
PVD - Baker Hughes	20.000.000	51	211.753.000.000	81.956.000.000
Vietubes	3.707.300	51	86.637.631.068	90.530.110.024
PVD Overseas	70.000.000	55	401.575.170.000	-
PVD - OSI	<u>5.000.000</u>	51	<u>53.111.400.000</u>	<u>53.111.400.000</u>

Giá trị ghi sổ các khoản đầu tư vào công ty liên doanh tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
BJ - PVD	70.989.600.192	92.788.989.936
PVD - Expro	65.118.515.700	49.815.702.248
PVD Tubular	37.549.260.000	51.048.157.492
PVD - Baker Hughes	214.567.200.000	83.312.000.000
Vietubes	94.373.217.792	99.738.793.664
PVD Overseas	403.512.552.000	-
PVD - OSI	<u>55.554.834.876</u>	<u>48.368.760.260</u>
	<u>941.665.180.560</u>	<u>425.072.403.600</u>

Phần sở hữu của Tổng Công ty đối với lợi nhuận và giá trị khoản đầu tư tại các công ty liên doanh trong năm như sau:

	Tại ngày 31/12/2012	Vốn góp	Lợi nhuận trước giai đoạn đầu tư	Lợi nhuận trong công ty liên doanh	Lợi nhuận đã công bố	Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	Tại ngày 31/12/2013
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
BJ - PVD	92.788.989.936	-	-	19.718.864.915	(42.540.029.964)	1.021.775.305	70.989.600.192
PVD - Expro	49.815.702.248	-	-	22.450.128.755	(7.571.645.190)	424.329.887	65.118.515.700
PVD Tubulars	51.048.157.492	-	-	7.761.253.485	(21.631.465.580)	371.314.603	37.549.260.000
PVD - Baker Hughes	83.312.000.000	130.727.000.000	-	160.876.117.055	(161.652.256.908)	1.304.339.853	214.567.200.000
Vietubes	99.738.793.664	-	(3.892.478.956)	4.384.207.700	(6.735.019.785)	877.715.169	94.373.217.792
PV Drilling Overseas	-	405.889.970.000	-	-	-	(2.377.418.000)	403.512.552.000
PVD - OSI	48.368.760.260	-	-	6.655.718.005	-	530.356.611	55.554.834.876
	<u>425.072.403.600</u>	<u>536.616.970.000</u>	<u>(3.892.478.956)</u>	<u>221.846.289.915</u>	<u>(240.130.417.427)</u>	<u>2.152.413.428</u>	<u>941.665.180.560</u>

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, báo cáo tài chính của PVD - Baker Hughes cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 vẫn chưa chính thức phê duyệt bởi Hội đồng Thành viên của liên doanh, phần lợi nhuận của Tổng Công ty trong Công ty liên doanh vẫn chưa được xác định một cách chắc chắn, do đó chưa được ghi nhận.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

Chi tiết khoản đầu tư vào Vietubes trong năm 2013 như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Khoản vốn góp vào liên doanh	111.497.040.350	111.497.040.350
Lợi nhuận được chia của giai đoạn trước đầu tư	(24.709.148.956)	(20.816.670.000)
Chênh lệch tỷ giá	<u>(150.260.326)</u>	<u>(150.260.326)</u>
Giá trị thuần của khoản đầu tư	86.637.631.068	90.530.110.024
<i>Trong đó: Phần vốn chủ sở hữu được ghi nhận tại</i>		
<i>liên doanh</i>	60.968.349.920	64.860.828.876
<i>Lợi thế thương mại</i>	25.669.281.148	25.669.281.148
Lợi nhuận được chia	7.735.586.724	9.208.683.640
<i>Trong đó: Lợi nhuận được chia đầu năm</i>	9.208.683.640	-
<i>Lợi nhuận được chia trong năm</i>	6.964.320.840	11.133.878.164
<i>Lợi nhuận đã nhận trong năm</i>	(6.735.019.785)	-
<i>Phân bổ lợi thế thương mại trong năm</i>	(2.580.113.140)	(1.925.194.524)
<i>Chênh lệch tỷ giá</i>	<u>877.715.169</u>	<u>-</u>
Giá trị khoản đầu tư cuối năm	<u>94.373.217.792</u>	<u>99.738.793.664</u>

11. HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH - BCC

Tổng Công ty cùng với Petro Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quân đội (“MBBank”) và Ngân hàng TMCP Đại Dương (“OceanBank”) hợp tác cùng tham gia dự án góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (“giàn khoan TAD hay giàn khoan PV Drilling V”) với thời hạn hợp đồng hợp tác kinh doanh là 17 năm tính từ ngày 10 tháng 9 năm 2009. Theo thỏa thuận giữa các bên, PVD Deepwater, công ty con của Tổng Công ty, được ủy quyền quản lý và điều hành dự án cũng như thực hiện hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh của hợp đồng hợp tác kinh doanh và phân chia lợi nhuận cho các bên theo tỷ lệ vốn góp.

Tỷ lệ vốn góp của các bên theo thỏa thuận tại hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

	Tỷ lệ %
Phần vốn góp của Petro Việt Nam:	23,00
Phần vốn góp của Tổng Công ty:	62,43
Phần vốn góp của MBBank:	9,71
Phần vốn góp của OceanBank:	4,86

Số vốn thực góp của các đối tác trong BCC ghi nhận Phải trả dài hạn khác:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
- PVN	278.173.894.859	947.088.004.220
- MBBank	133.229.238.748	133.229.238.748
- OceanBank	68.756.768.760	68.756.768.760
- Khác	-	2.465.327.048
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	42.886.648.377	-
	<u>523.046.550.744</u>	<u>1.151.539.338.776</u>

Trong năm, Petro Việt Nam đã chuyển phần vốn góp vào BCC bằng khoản vay từ Ngân hàng Standard Chartered cho PVD DeepWater nhận nợ theo cam kết tại hợp đồng BCC, do đó số vốn góp của Petro Việt Nam vào BCC đã giảm đi tương ứng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo*

Tình hình tài chính của BCC được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tổng tài sản	4.293.963.498.959	4.726.332.468.471
<i>Trong đó: Giá trị còn lại của giàn khoan PV Drilling V</i>	<u>3.514.306.725.494</u>	<u>3.847.035.128.206</u>
	2013	2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Doanh thu	1.603.529.962.832	1.361.755.376.236
Giá vốn	910.435.010.632	788.209.839.218
Chi phí quản lý	247.692.312.663	195.009.542.985
Chi phí tài chính	144.934.005.298	164.763.873.916
Doanh thu tài chính	4.546.563.976	2.820.587.568
Doanh thu khác	(54.658.162.962)	79.854.706.203
Lợi nhuận thuần	250.357.035.253	296.447.413.888
Điều chỉnh cho các khoản chi phí không thuộc BCC	18.187.940.649	16.101.046.246
Lợi nhuận phân phối cho BCC	268.544.975.902	312.548.460.134
<i>Phân chia lợi nhuận thuần theo tỷ lệ vốn góp</i>		
Tổng Công ty	149.464.687.807	179.022.957.416
Các bên BCC:	100.892.347.446	117.424.456.472
<i>Petro Việt Nam</i>	61.765.344.457	71.886.145.831
<i>MBBank</i>	26.075.717.160	30.348.455.479
<i>OceanBank</i>	<u>13.051.285.829</u>	<u>15.189.855.162</u>

Trong năm, Tổng Công ty đã công bố và chi trả lợi nhuận năm 2012 cho các bên với số tiền là 54.286.140.698 đồng tương đương 2.593.081 đô la Mỹ. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 của BCC chưa được phê duyệt bởi các bên trong BCC. Do đó, Tổng Công ty tạm thời ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận cho các bên trong BCC theo tỷ lệ góp vốn.

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	20.000.000.000	20.000.000.000
Chứng chỉ quỹ, tiền gửi	10.000.000.000	10.000.000.000
Chênh lệch tỷ giá	3.429.317.328	3.224.575.664
	33.429.317.328	33.224.575.664
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(17.650.192.692)	-
	<u>15.779.124.636</u>	<u>33.224.575.664</u>

Chứng chỉ quỹ, tiền gửi tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 5 năm kể từ ngày 16 tháng 3 năm 2010 với lãi suất thay đổi hàng năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") nhằm đảm bảo cho khoản vay dài hạn có hạn mức 10 tỷ đồng của PVD Tech.

Trong năm Tổng Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí với mức trích lập dự phòng là phần chênh lệch giữa giá trị sổ sách và giá trị thị trường của khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lỗ chênh lệch tỷ giá giai đoạn xây dựng cơ bản	28.088.297.964	58.149.380.780
Chi phí trả trước dài hạn cho giàn PV Drilling II và III	2.625.944.916	12.407.614.504
Chi phí sửa chữa cho giàn PV Drilling I	-	3.768.014.308
Chi phí duy tu, bảo dưỡng giàn	-	93.206.216.432
Chi phí trả trước dài hạn cho giàn PV Drilling V	17.377.124.376	27.507.289.664
Chi phí trả trước dài hạn khác	19.481.502.708	8.431.736.756
	<u>67.572.869.964</u>	<u>203.470.252.444</u>

14. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và các năm trước:

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác <u>VNĐ</u>	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện <u>VNĐ</u>	Tổng <u>VNĐ</u>
Tại ngày 01/01/2012	4.711.460.224	(1.003.680.492)	3.707.779.732
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	<u>119.177.816</u>	<u>2.681.709.140</u>	<u>2.800.886.956</u>
Tại ngày 31/12/2012	4.830.638.040	1.678.028.648	6.508.666.688
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	<u>(6.214.931.580)</u>	<u>(410.954.050)</u>	<u>(6.625.885.630)</u>
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	<u>(1.221.564)</u>	<u>15.300.998</u>	<u>14.079.434</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>(1.385.515.104)</u>	<u>1.282.375.596</u>	<u>(103.139.508)</u>

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Thông tin chi tiết về tình hình góp vốn và giá trị khoản đầu tư vào các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên công ty con	Tỷ lệ sở hữu %	31/12/2013			Giá trị khoản đầu tư <u>VNĐ</u>	31/12/2012			Giá trị khoản đầu tư <u>VNĐ</u>
		Vốn điều lệ đăng ký <u>VNĐ</u>	Vốn điều lệ đã góp <u>VNĐ</u>	Tỷ lệ sở hữu %		Vốn điều lệ đăng ký <u>VNĐ</u>	Vốn điều lệ đã góp <u>VNĐ</u>		
PVD Offshore	100	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	100	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	
PVD Well	100	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	100	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	
PVD Logging	100	80.000.000.000	50.000.000.000	80.000.000.000	100	80.000.000.000	50.000.000.000	80.000.000.000	
PVD Tech	100	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000	100	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000	
PVD Training	52	28.958.670.000	14.996.960.000	19.755.753.400	52	28.958.670.000	14.996.960.000	19.755.753.400	
PVD DeepWater	100	764.000.000.000	764.000.000.000	764.000.000.000	100	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	
				<u>1.223.755.753.400</u>				<u>529.755.753.400</u>	

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số 035123077 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 11 năm 2012 vốn điều lệ đăng ký của PVD Well là 80.000.000.000 đồng. Trong năm, Công ty Mẹ đã thực hiện góp thêm vốn vào PVD Well với tổng vốn điều lệ đã góp thêm là 1.438.091 đô la Mỹ tương đương với 30.000.000.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số 0310139354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 8 năm 2013 vốn điều lệ đăng ký của PVD DeepWater là 764.000.000.000 đồng. Trong năm, Công ty Mẹ đã thực hiện góp thêm vốn vào PVD DeepWater với tổng vốn điều lệ đã góp thêm là 34.892.244 đô la Mỹ tương đương với 664.000.000.000 đồng bằng hình thức cần trừ công nợ nội bộ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo*

Vào ngày 12 tháng 8 năm 2007, Tổng Công ty đã mua 51% quyền sở hữu PVD Training, trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, với giá mua là 6.790.091.000 đồng (tương đương 388.501 đô la Mỹ). Nghiệp vụ mua này tạo ra một khoản lợi thế thương mại cho Tổng Công ty với số tiền là 4.285.636.640 đồng.

Tình hình tăng giảm lợi thế thương mại trong năm như sau:

	Lợi thế thương mại VNĐ
Giá trị lợi thế thương mại tại thời điểm đầu tư	4.285.636.640
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	<u>739.316.824</u>
Giá trị lợi thế thương mại tại ngày 31/12/2013	<u>5.024.953.464</u>
GIÁ TRỊ PHÂN BỐ LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2013	2.985.152.272
Phân bổ trong năm	500.095.280
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	<u>32.224.080</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>3.517.471.632</u>
GIÁ TRỊ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2013	<u>1.507.481.832</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>1.990.115.400</u>

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Vay ngắn hạn	118.165.060.008	402.959.836.700
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21)	<u>1.711.302.875.544</u>	<u>1.537.812.969.072</u>
	<u>1.829.467.935.552</u>	<u>1.940.772.805.772</u>

Chi tiết về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Ngân hàng HSBC Việt Nam	75.521.743.284	172.124.424.864
Ngân hàng Vietcombank	42.442.528.104	230.835.411.836
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	<u>200.788.620</u>	-
	<u>118.165.060.008</u>	<u>402.959.836.700</u>

Các khoản vay ngắn hạn là các khoản vay tín chấp với thời hạn vay tối đa là 6 tháng và dùng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động của Tổng Công ty. Hạn mức tín dụng của các khoản vay này như sau:

<u>Ngân hàng</u>	<u>Công ty</u>	<u>Hạn mức tín dụng</u>	<u>Đơn vị tiền tệ</u>
HSBC Vietnam	PVD Tech	2.000.000	USD
HSBC Vietnam	PVD Logging	2.000.000	USD
Vietcombank	PVD Offshore	70.000.000.000	VNĐ
Vietcombank	PVD Tech	60.000.000.000	VNĐ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo***17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước trong năm của Tổng Công ty như sau:

	01/01/2013	Số phải nộp	Số đã nộp	Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	31/12/2013
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thuế giá trị gia tăng	114.947.274.296	981.132.508.360	882.891.561.825	1.233.788.697	214.422.009.528
Thuế xuất nhập khẩu	3.687.180.840	43.746.948.360	47.434.137.164	7.964	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	72.674.078.172	291.309.373.575	295.437.865.810	368.749.747	68.914.335.684
Thuế thu nhập cá nhân	24.949.819.544	551.547.355.110	524.347.510.148	303.496.314	52.453.160.820
Thuế môn bài	-	23.007.565	23.000.000	(7.565)	-
Các loại thuế khác	46.906.030.648	538.878.393.315	541.702.052.952	349.131.929	44.431.502.940
	<u>263.164.383.500</u>	<u>2.406.637.586.285</u>	<u>2.291.836.127.899</u>	<u>2.255.167.086</u>	<u>380.221.008.972</u>
Trong đó:					
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước					(398.421.840)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước					380.619.430.812

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí trích trước liên quan đến hoạt động các giàn khoan	976.915.331.976	443.259.059.124
Trích trước chi phí lãi vay	40.264.734.132	96.500.435.396
Lương hiệu quả	6.016.506.360	-
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	208.848.542.364	-
Phí quản lý Petro Việt Nam	18.812.179.260	14.468.336.824
Các khoản khác	303.050.884.728	214.628.353.572
	<u>1.553.908.178.820</u>	<u>768.856.184.916</u>

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Cổ tức phải trả	5.569.680.684	5.287.333.596
Lợi nhuận phải trả các bên BCC	158.851.229.364	131.450.027.676
Phải trả Petro Việt Nam - nợ vay với Ngân hàng Standard Chartered đã thanh toán hộ cho PVD DeepWater theo hợp đồng BCC	101.016.533.844	-
Các khoản phải trả khác	47.220.603.072	13.133.449.476
	<u>312.658.046.964</u>	<u>149.870.810.748</u>

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012, khoản dự phòng phải trả ngắn hạn thể hiện quỹ lương dự phòng đã trích với tỷ lệ 17% quỹ lương được duyệt theo quyết định của Tổng Công ty.

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Các khoản vay dài hạn	5.494.783.520.592	6.405.716.529.156
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 16)	(1.711.302.875.544)	(1.537.812.969.072)
	<u>3.783.480.645.048</u>	<u>4.867.903.560.084</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Ngân hàng Vietcombank	588.139.134.542	800.560.149.365
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam ("PVcomBank", trước đây là "PVFC")	-	29.053.497.900
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	2.216.947.794.972	2.674.071.033.356
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) ("HSBC")	604.785.000.000	1.077.849.000.000
MB và Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam ("Vietinbank")	984.365.462.772	1.124.575.652.190
MBBank và OceanBank	350.070.542.436	399.683.996.345
Ngân hàng Standard Chartered ("SC")	747.626.451.930	299.923.200.000
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo	2.849.133.941	-
	<u>5.494.783.520.592</u>	<u>6.405.716.529.156</u>

Ngân hàng	Mục đích tài trợ xây dựng	Lãi suất %	Hình thức đảm bảo	Dư nợ 31/12/2013	Đơn vị tiền tệ
Vietcombank	Giàn PVDrilling I	SIBOR 6 tháng + biên	PVN bảo lãnh	10.248.102	USD
BIDV - đồng tài trợ	Giàn PVDrilling II	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Giàn PV Drilling II	93.588.277	USD
BIDV	Giàn PVDrilling III	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Không có	11.800.000	USD
HSBC - đồng tài trợ	Giàn PVDrilling III	LIBOR 3 tháng + biên	PVN bảo lãnh và giàn PV Drilling III	28.750.000	USD
MBBank và Vietinbank	Giàn PVDrilling V	SIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	46.794.327	USD
SC	Giàn PVDrilling V	LIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	10.800.000	USD
MBBank và OceanBank	Giàn PVDrilling V	LIBOR 6 tháng + biên	Giá trị giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	16.641.498	USD
Vietcombank	Giàn PVDrilling V	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Giá trị giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	13.407.080	USD
SC	Giàn PVDrilling V	LIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	24.740.333	USD
Vietcombank	Dự án nhà xưởng mở rộng giai đoạn II tại khu công nghiệp Đông Xuyên	Tiết kiệm 5 năm + 2%	Đảm bảo bằng khoản tiền gửi dài hạn 5 năm.	2.557.350.298	VNĐ
Vietcombank	Mua sắm máy móc thiết bị	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Tài sản hình thành từ dự án	17.361.359.542	VNĐ
Vietcombank	Mua sắm máy móc thiết bị	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Tài sản hình thành từ dự án	1.149.984	USD
Vietcombank	Đầu tư mua mới thiết bị kéo thả ống chống	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Tài sản hình thành từ dự án	2.206.644	USD

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo*

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Trong vòng một năm	1.711.302.875.544	1.537.812.969.072
Trong năm thứ hai	1.141.943.951.028	1.513.091.729.068
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.148.075.804.756	2.254.325.496.706
Sau năm năm	493.460.889.264	1.100.486.334.310
	5.494.783.520.592	6.405.716.529.156
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(1.711.302.875.544)</u>	<u>(1.537.812.969.072)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>3.783.480.645.048</u>	<u>4.867.903.560.084</u>

22. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Theo Điều lệ của Tổng Công ty, Tổng Công ty được trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ với tỷ lệ tối đa 10% lợi nhuận tính thuế. Tình hình trích lập và sử dụng quỹ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong năm như sau:

	2013	2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Số dư đầu năm	325.704.431.648	145.390.707.948
Số quỹ được trích lập	224.625.921.217	180.724.056.128
Số quỹ đã sử dụng	(311.682.819)	(412.172.659)
Chênh lệch tỷ giá	1.957.807.986	1.840.231
Số dư cuối năm	<u>551.976.478.032</u>	<u>325.704.431.648</u>

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 9, vốn điều lệ của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 2.755.286.950.000 đồng.

Vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty:

	2013		2012	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Vốn cổ phần được duyệt	275.528.695	2.755.286.950.000	210.508.215	2.105.082.150.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	235.528.695	2.355.286.950.000	210.508.215	2.105.082.150.000
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	40.000.000	400.000.000.000	-	-
	<u>275.528.695</u>	<u>2.755.286.950.000</u>	<u>210.508.215</u>	<u>2.105.082.150.000</u>
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(270.580)	(2.705.800.000)	(348.480)	(3.484.800.000)
	<u>(270.580)</u>	<u>(2.705.800.000)</u>	<u>(348.480)</u>	<u>(3.484.800.000)</u>
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	235.258.115	2.352.581.150.000	210.159.735	2.101.597.350.000
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	40.000.000	400.000.000.000	-	-
	<u>275.258.115</u>	<u>2.752.581.150.000</u>	<u>210.159.735</u>	<u>2.101.597.350.000</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu có mệnh giá là 10.000 đồng. Các cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu này phải chịu hạn chế mà theo đó cổ đông nắm giữ các cổ phiếu này không được bán lại các cổ phiếu mà họ nắm giữ trong vòng từ 1 đến 3 năm đầu tiên kể từ ngày phát hành.

Cổ đông sáng lập đồng thời là cổ đông chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là Petro Việt Nam hiện sở hữu 138.828.214 cổ phần tương ứng 50,44% (tại 31 tháng 12 năm 2012 là 106.055.468 cổ phần tương ứng 50,46%) tổng số cổ phần đang lưu hành của Tổng Công ty.

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2013/ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013, trong năm Tổng Công ty đã thực hiện việc phát hành riêng lẻ 38 triệu cổ phần cho các cổ đông chiến lược và 2 triệu cổ phần cho cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty đã hoàn tất việc phát hành thêm cổ phần. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đã nhận Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh cho số vốn điều lệ tăng thêm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN ĐÀU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Tại ngày 01/01/2012	2.105.082.150.000	1.382.130.231.854	(44.395.487.786)	742.857.627.650	424.631.464.467	209.854.853.452	1.381.996.414.271	6.202.157.253.908
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	-	(315.239.602.500)	(315.239.602.500)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(1.524.783.752)	-	-	-	-	(1.524.783.752)
Thưởng cổ phiếu quỹ	-	-	30.512.410.588	-	-	-	-	30.512.410.588
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(69.361.483.135)	-	-	-	(69.361.483.135)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	1.447.522.797.608	1.447.522.797.608
Phân phối quỹ	-	-	-	-	129.838.211.240	52.480.103.320	(363.694.412.056)	(181.376.097.496)
Phân phối cho Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	(8.308.995.097)	(8.308.995.097)
Phân phối cho các bên BCC	-	-	-	-	-	-	(112.245.028.748)	(112.245.028.748)
Tại ngày 31/12/2012	2.105.082.150.000	1.382.130.231.854	(15.407.860.950)	673.496.144.515	554.469.675.707	262.334.956.772	2.030.031.173.478	6.992.136.471.376
Cổ tức công bố	250.204.800.000	-	-	-	-	-	(500.442.435.000)	(250.237.635.000,00)
Vốn góp	400.000.000.000	1.063.919.696.000	-	-	-	-	-	1.463.919.696.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	9.689.831.711	-	-	-	9.689.831.711
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	1.993.165.265.135	1.993.165.265.135
Phân phối quỹ	-	-	-	-	184.562.622.859	75.894.650.620	(521.121.577.535)	(260.664.304.056)
Phân phối cho Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	(8.875.100.160)	(8.875.100.160)
Phân phối cho các bên BCC	-	-	-	-	-	-	(100.892.347.446)	(100.892.347.446)
Thưởng cổ phiếu quỹ	-	-	3.444.307.759	-	(3.444.307.759)	-	-	-
Tại ngày 31/12/2013	2.755.286.950.000	2.446.049.927.854	(11.963.553.191)	683.185.976.226	735.587.990.807	338.229.607.392	2.891.864.978.472	9.838.241.877.560

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty đã tạm trích quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành với tỷ lệ lần lượt là 5%, 10%, 12,5% và 1,5% từ lợi nhuận sau thuế trong năm theo Điều lệ của Tổng Công ty. Số liệu cuối cùng đối với việc trích lập các quỹ sẽ được cổ đông xác định và phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Theo Nghị quyết số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Đại hội đồng cổ đông, Tổng Công ty quyết định phương án chia cổ tức năm 2012 là 20% vốn điều lệ với 10% bằng tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty đã thực hiện việc chia 10% cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông với số tiền 250.237.635.000 đồng tương đương 11.837.164 đô la Mỹ. Tổng Công ty cũng tăng vốn điều lệ thêm 250.204.800.000 đồng tương đương 11.846.818 đô la Mỹ từ việc thanh toán 10% cổ tức năm 2012 bằng cổ phiếu.

Chi tiết chênh lệch tỷ giá hối đoái ("CLTG") như sau:

	CLTG từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động nước ngoài (Chi nhánh Algeria) VNĐ	CLTG từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty con VNĐ	CLTG phát sinh từ đánh giá lại các tài khoản ngắn hạn có gốc ngoại tệ cuối năm VNĐ	Tổng số VNĐ
Tại 01/01/2012	17.715.858.041	724.444.758.889	697.010.720	742.857.627.650
Phát sinh trong năm	(19.607.979.072)	(49.056.493.343)	(697.010.720)	(69.361.483.135)
Tại 31/12/2012	(1.892.121.031)	675.388.265.546	-	673.496.144.515
Phát sinh trong năm	(5.452.876.645)	15.142.708.356	-	9.689.831.711
Tại 31/12/2013	(7.344.997.676)	690.530.973.902	-	683.185.976.226

24. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của PVD Training.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số tại PVD Training được xác định như sau:

	VNĐ
Vốn điều lệ của công ty con (PVD Training)	28.958.670.000
Trong đó:	
Vốn phân bổ cho Tổng Công ty	14.996.960.000
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	13.961.710.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	<u>48,21%</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo*

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tổng tài sản	190.751.077.396	87.740.656.599
Tổng nợ phải trả	<u>(129.429.348.743)</u>	<u>(35.839.849.332)</u>
Tài sản thuần	<u>61.321.728.653</u>	<u>51.900.807.267</u>
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn điều lệ	28.958.670.000	28.958.670.000
Thặng dư vốn cổ phần	312.482.400	312.482.400
Các quỹ khác	8.178.412.575	5.417.171.027
Lợi nhuận chưa phân phối	<u>23.872.163.678</u>	<u>17.212.483.840</u>
Lợi ích của cổ đông thiểu số	29.564.751.696	25.007.929.664
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn điều lệ	13.961.710.000	13.961.710.000
Thặng dư vốn cổ phần	150.655.698	150.655.698
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	(10.149.041)	(24.905.698)
Các quỹ khác	3.953.158.872	2.621.894.220
Lợi nhuận chưa phân phối	<u>11.509.376.167</u>	<u>8.298.575.444</u>

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012:

	2013	2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lợi nhuận trong năm	18.408.276.985	17.234.095.755
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số	<u>8.875.100.160</u>	<u>8.308.995.097</u>

25. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động bao gồm bộ phận cung cấp dịch vụ khoan, bộ phận thương mại và bộ phận cung cấp các dịch vụ khác. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận cung cấp dịch vụ khoan ("DV khoan"): cung ứng giàn khoan và dịch vụ khoan.
- Bộ phận thương mại ("Thương mại"): cung ứng vật tư, thiết bị khoan.
- Bộ phận cung cấp các dịch vụ khác ("Dịch vụ khác"): cung cấp dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng lao động cho các giàn khoan, tư vấn đầu tư - quản lý dự án, hoạt động tư vấn quản lý, và cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo*

Thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

	DV khoan VNĐ	Thương mại VNĐ	Dịch vụ khác VNĐ	Loại trừ VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tài sản					
Tài sản bộ phận	14.990.634.982.680	1.366.671.034.164	8.050.593.676.332	(2.915.566.563.616)	21.492.333.129.560
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-
Tổng tài sản hợp nhất					21.492.333.129.560
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	14.033.113.454.328	1.072.144.967.400	(1.889.643.369.900)	(1.591.088.551.524)	11.624.526.500.304
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả hợp nhất					11.624.526.500.304

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

	DV khoan VNĐ	Thương mại VNĐ	Dịch vụ khác VNĐ	Loại trừ VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Doanh thu gộp	9.561.718.606.855	1.136.919.033.825	5.344.999.636.750	(1.176.957.598.155)	14.866.679.679.275
Doanh thu thuần	9.561.718.606.855	1.136.919.033.825	5.344.999.636.750	(1.176.957.598.155)	14.866.679.679.275
Giá vốn hàng bán	7.163.681.432.595	1.066.955.603.665	4.191.420.425.250	(888.657.777.375)	11.533.399.684.135
Lợi nhuận gộp	2.398.037.174.260	69.963.430.160	1.153.579.211.500	(288.299.820.780)	3.333.279.995.140
Doanh thu hoạt động tài chính	15.717.621.170	17.543.383.455	651.498.079.270	(585.947.893.655)	98.811.190.240
Chi phí tài chính	260.648.454.080	9.071.051.760	83.352.220.995	(6.591.552.230)	346.480.174.605
Chi phí bán hàng	13.582.251.170	480.709.470	31.056.025.750	-	45.118.986.390
Chi phí quản lý doanh nghiệp	515.714.255.450	42.635.237.055	675.208.557.830	(287.799.767.370)	945.758.282.965
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.623.809.834.730	35.319.815.330	1.015.460.486.195	(579.856.394.835)	2.094.733.741.420
Thu nhập khác	11.168.613.150	2.464.824.095	49.662.865.335	-	63.296.302.580
Chi phí khác	67.722.757.110	1.989.536.790	19.063.515.675	-	88.775.809.575
(Lỗ)/Lợi nhuận khác	(56.554.143.960)	475.287.305	30.599.349.660	-	(25.479.506.995)
Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	-	-	-	-	221.846.289.915
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.567.255.690.770	35.795.102.635	1.046.059.835.855	(579.856.394.835)	2.291.100.524.340
Chi phí thuế TNDN hiện hành					291.309.373.575
Chi phí thuế TNDN hoãn lại					6.625.885.630
Lợi nhuận sau thuế					1.993.165.265.135

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

	DV khoan VNĐ	Thương mại VNĐ	Dịch vụ khác VNĐ	Loại trừ VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tài sản					
Tài sản bộ phận	15.833.975.776.740	1.426.522.466.736	15.377.015.184.440	(13.553.894.668.636)	19.083.618.759.280
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-
Tổng tài sản hợp nhất					19.083.618.759.280
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	15.591.251.659.192	1.180.511.649.132	8.229.139.467.520	(12.934.428.417.604)	12.066.474.358.240
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả hợp nhất					12.066.474.358.240

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	DV khoan VNĐ	Thương mại VNĐ	Dịch vụ khác VNĐ	Loại trừ VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Doanh thu gộp	6.928.867.797.304	1.493.323.611.264	4.613.605.926.948	(1.106.341.224.956)	11.929.456.110.560
Doanh thu thuần	6.928.867.797.304	1.493.323.611.264	4.613.605.926.948	(1.106.341.224.956)	11.929.456.110.560
Giá vốn hàng bán	5.181.515.838.116	1.433.972.142.464	3.485.960.594.740	(854.792.742.024)	9.246.655.833.296
Lợi nhuận gộp	1.747.351.959.188	59.351.468.800	1.127.645.332.208	(251.548.482.932)	2.682.800.277.264
Doanh thu hoạt động tài chính	14.156.666.632	16.942.411.632	373.632.721.364	(350.510.892.068)	54.220.907.560
Chi phí tài chính	342.048.079.936	8.015.593.316	73.587.156.864	(3.212.448.236)	420.438.381.880
Chi phí bán hàng	16.970.175.356	708.860.152	21.792.357.228	(1.137.937.780)	38.333.454.956
Chi phí quản lý doanh nghiệp	383.746.839.820	46.486.575.556	571.538.211.252	(249.913.026.716)	751.858.599.912
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.018.743.530.708	21.082.851.408	834.360.328.228	(347.795.962.268)	1.526.390.748.076
Thu nhập khác	136.269.939.296	2.281.811.540	35.556.436.888	-	174.108.187.724
Chi phí khác	49.443.235.124	1.139.437.396	13.371.930.076	-	63.954.602.596
Lợi nhuận khác	86.826.704.172	1.142.374.144	22.184.506.812	-	110.153.585.128
Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	-	-	-	-	60.780.436.224
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.105.570.234.880	22.225.225.552	856.544.835.040	(347.795.962.268)	1.697.324.769.428
Chi phí thuế TNDN hiện hành					252.602.858.776
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại					(2.800.886.956)
Lợi nhuận sau thuế					<u>1.447.522.797.608</u>

Bộ phận theo khu vực địa lý

Tổng Công ty hiện nay chủ yếu hoạt động tại Việt Nam, đơn vị kinh doanh ngoài Việt Nam (Chi nhánh Algeria) có tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh chiếm không trọng yếu (dưới 10%) trong tổng tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	539.473.135.730	922.033.399.008
Chi phí nhân công	3.059.271.640.525	2.777.874.057.144
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.103.264.409.330	1.022.587.921.292
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.315.324.346.685	3.560.614.811.700
Chi phí khác	439.987.817.555	319.481.733.400
Giá vốn thương mại	1.066.955.603.665	1.434.255.965.620
	<u>12.524.276.953.490</u>	<u>10.036.847.888.164</u>

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	62.175.966.055	27.677.954.296
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	36.635.224.185	26.521.958.640
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	20.994.624
	<u>98.811.190.240</u>	<u>54.220.907.560</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo***28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2013	2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí lãi vay	222.995.412.065	301.836.314.284
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	25.780.070.790	1.775.357.892
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	65.404.833.910	81.212.225.180
Chi phí tài chính khác	32.299.857.840	35.614.484.524
	<u>346.480.174.605</u>	<u>420.438.381.880</u>

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2013	2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lợi nhuận trước thuế	2.291.100.524.340	1.697.324.769.428
Thu nhập không chịu thuế	(615.398.812.020)	(350.729.919.316)
Các khoản chi phí không được khấu trừ	37.678.498.975	94.071.057.476
Thu nhập chịu thuế	1.713.380.211.295	1.440.665.907.588
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	294.429.714.390	246.705.285.608
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung của năm trước	(3.120.340.815)	5.897.573.168
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>291.309.373.575</u>	<u>252.602.858.776</u>

Tổng Công ty chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất hiện hành (25%), ngoại trừ các ưu đãi thuế như sau:

- Công ty Mẹ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm (năm 2007 và 2008) và giảm 50% cho năm năm tiếp theo (từ năm 2009 đến 2013) đối với thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chính. Riêng thu nhập từ hoạt động kinh doanh của giàn khoan PV Drilling II và PV Drilling III, tài sản nhận về do sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư khoan Dầu khí Việt Nam trước đây, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm (năm 2010 và 2011) và giảm 50% cho hai năm tiếp theo (năm 2012 và 2013).
- PVD Training có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động đào tạo trong suốt quá trình kinh doanh, và thuế suất 25% cho các hoạt động khác. PVD Training được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong ba năm (từ năm 2007 đến 2009) và được miễn 50% trong bảy năm tiếp theo cho hoạt động đào tạo kỹ thuật (từ năm 2010 đến 2016), và được miễn thuế trong hai năm (năm 2005 và 2006) và được miễn 50% trong bảy năm tiếp theo (từ năm 2007 đến 2013) cho hoạt động đào tạo an toàn.
- PVD Tech có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ từ 15% đến 25% cho các hoạt động. Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi đối với Dự án Xưởng thiết kế, chế tạo, bảo dưỡng, sửa chữa các kết cấu và các cụm thiết bị dầu khí như sau:
 - Đối với hoạt động sản xuất: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và 25% trong các năm tiếp theo. PVD Tech được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo. Năm đầu tiên kinh doanh có lãi là năm 2009.
 - Đối với hoạt động dịch vụ: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng hàng năm 20% thu nhập chịu thuế trong 10 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và 25% trong các năm tiếp theo. PVD Tech được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 6 năm tiếp theo. Năm đầu tiên kinh doanh có lãi là năm 2009.
- PVD DeepWater có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trong 15 năm từ Dự án đầu tư giàn khoan PV Drilling V. PVD DeepWater được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2012 đến năm 2015) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2016 đến năm 2024).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo*

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Tổng Công ty	1.883.397.817.529	1.321.789.346.039
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.883.397.817.529	1.321.789.346.039
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	225.004.420	210.152.326
Số cổ phiếu phát hành để chi trả cổ tức	<u>25.020.480</u>	<u>25.020.480</u>
Tổng số cổ phiếu bình quân đã điều chỉnh	<u>250.024.900</u>	<u>235.172.806</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>7.533</u>	<u>5.621</u>

Theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 (VAS 30) "Lãi trên cổ phiếu", tổng số cổ phiếu bình quân trong năm được điều chỉnh do việc Công ty đã phát hành 25.020.480 cổ phiếu để thanh toán 10% cổ tức năm 2012, như trình bày tại Thuyết minh số 23 - Vốn chủ sở hữu. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2012 đã được trình bày lại, những thay đổi so với số liệu báo cáo trước đây như sau:

	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)
Số báo cáo trước đây	210.152.326	6.290
Điều chỉnh cho ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2013	<u>25.020.480</u>	<u>(669)</u>
Số điều chỉnh lại	<u>235.172.806</u>	<u>5.621</u>

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 và 22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty Mẹ (bao gồm vốn điều lệ, các quỹ dự trữ và lợi nhuận chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Các khoản vay	5.612.948.580.600	6.808.676.365.856
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	<u>(2.597.616.954.888)</u>	<u>(1.067.748.648.852)</u>
Nợ thuần	3.015.331.625.712	5.740.927.717.004
Vốn chủ sở hữu	<u>9.838.241.877.560</u>	<u>6.992.136.471.376</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>31%</u>	<u>82%</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo***Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.597.616.954.888	1.067.748.648.852
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.038.187.246.692	3.063.604.787.180
Các khoản đầu tư khác	35.779.122.672	33.224.575.664
Các khoản ký quỹ, ký cược	30.027.963.277	26.024.835.936
Tổng cộng	<u>6.701.611.287.529</u>	<u>4.190.602.847.632</u>
Các khoản vay và nợ	5.612.948.580.600	6.808.676.365.856
Phải trả người bán và phải trả khác	2.453.807.138.676	2.379.025.292.740
Chi phí phải trả	1.553.908.178.820	768.856.184.916
Tổng cộng	<u>9.620.663.898.096</u>	<u>9.956.557.843.512</u>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tổng Công ty đã và đang thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này trên cơ sở kiểm soát và cân đối dòng tiền (bao gồm dòng tiền ngoại tệ) và theo dõi sát sao thông tin trên thị trường để thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro phù hợp.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, Tổng Công ty quản lý cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ thông qua việc thỏa thuận các hợp đồng kinh tế trên cơ sở đối ứng nguồn ngoại tệ phải trả nhà cung cấp với phải thu khách hàng nên đảm bảo được các giao dịch thanh toán bằng ngoại tệ, hạn chế tối đa được rủi ro về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo*

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
USD (các công ty con)	4.471.336.630.650	4.759.755.245.490	1.562.834.489.467	1.572.378.065.078
VND (Công ty Mẹ)	331.097.893.827	391.667.894.844	2.391.902.719.408	992.653.857.208
DZD	17.310.581.845	23.654.984.440	53.341.575.481	34.929.430.776
SGD	13.441.657.219	10.256.956.971	360.294.652	327.065.384
EUR	5.828.036.801	5.591.786.674	176.696.720	3.901.134.235
Norwegian krone ("NOK")	74.818.057	768.761.480	-	-
Bạt Thái ("THB")	-	294.237.156	-	-
GBP	1.337.941.977	604.699.324	247.354.541	-
Đô la Úc ("AUD")	617.590.465	-	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty Mẹ chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Việt Nam và các công ty con chịu ảnh hưởng của thay đổi của đồng đô la Mỹ.

Tỷ lệ thay đổi 2% được Tổng Công ty sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Tổng Công ty về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá của Việt Nam đồng so với đô la Mỹ tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ thay đổi như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tăng/giảm lợi nhuận ở Công ty Mẹ	41.216.087.232	12.019.713.832
Giảm/tăng lợi nhuận ở các công ty con	58.170.042.824	63.747.543.608
Giảm/tăng lợi nhuận hợp nhất	<u>16.953.955.592</u>	<u>51.727.829.776</u>

Dựa trên sự phân tích tương tự cho các ngoại tệ khác thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất được Tổng Công ty đánh giá có thể xảy ra ở mức độ hợp lý là biến động tăng giảm trong lãi suất của các khoản vay thả nổi là tăng/giảm 30 điểm cơ bản. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính tiếp theo, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 30 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng 16.484.356.536 đồng (năm 2012: 19.217.141.652 đồng).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá mức độ rủi ro tín dụng. Tổng Công ty đánh giá rằng không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ các khách hàng lớn hoạt động trong lĩnh vực dầu khí và đáng tin cậy.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo****Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2013	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Trên 5 năm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.597.616.954.888	-	-	2.597.616.954.888
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.038.187.246.692	-	-	4.038.187.246.692
Các khoản đầu tư khác	20.000.000.000	9.979.120.788	5.800.001.884	35.779.122.672
Các khoản ký quỹ, ký cược	14.036.375.041	15.991.588.236	-	30.027.963.277
Tổng cộng	6.669.840.576.621	25.970.709.024	5.800.001.884	6.701.611.287.529
Các khoản vay và nợ	1.829.467.935.552	3.290.019.755.784	493.460.889.264	5.612.948.580.600
Phải trả người bán và phải trả khác	2.453.807.138.676	-	-	2.453.807.138.676
Chi phí phải trả	1.553.908.178.820	-	-	1.553.908.178.820
Tổng cộng	5.837.183.253.048	3.290.019.755.784	493.460.889.264	9.620.663.898.096
Chênh lệch thanh khoản thuần	832.657.323.573	(3.264.049.046.760)	(487.660.887.380)	(2.919.052.610.567)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo*

31/12/2012	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Trên 5 năm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tiền và các khoản trương đương tiền	1.067.748.648.852	-	-	1.067.748.648.852
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.063.604.787.180	-	-	3.063.604.787.180
Các khoản đầu tư khác	-	10.006.248.400	23.218.327.264	33.224.575.664
Các khoản ký quỹ, ký cước	8.918.341.320	17.106.494.616	-	26.024.835.936
Tổng cộng	4.140.271.777.352	27.112.743.016	23.218.327.264	4.190.602.847.632
Các khoản vay và nợ	1.940.772.805.772	3.767.286.473.540	1.100.617.086.544	6.808.676.365.856
Phải trả người bán và phải trả khác	2.379.025.292.740	-	-	2.379.025.292.740
Chi phí phải trả	768.856.184.916	-	-	768.856.184.916
Tổng cộng	5.088.654.283.428	3.767.286.473.540	1.100.617.086.544	9.956.557.843.512
Chênh lệch thanh khoản thuần	(948.382.506.076)	(3.740.173.730.524)	(1.077.398.759.280)	(5.765.954.995.880)

32. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày lập báo cáo, Tổng Công ty chưa hoàn tất việc quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho chi nhánh ở Algeria theo các thủ tục quyết toán thuế của nước sở tại. Các thủ tục quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria sẽ được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền của Algeria khi Tổng Công ty hoàn tất dự án tại Algeria và các nghĩa vụ thuế sẽ được xác định vào thời điểm đó. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin rằng sẽ không phát sinh thêm khoản nợ thuế trọng yếu nào liên quan đến việc quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria mà cần phải lập dự phòng thêm.

33. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	44.536.511.885	34.366.470.764

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Trong vòng một năm	45.227.421.036	38.023.501.766
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	59.137.265.676	78.128.055.835
Sau năm năm	37.925.005.032	33.328.837.782
	142.289.691.744	149.480.395.383

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Vũng Tàu. Thời gian thuê được thỏa thuận trong các hợp đồng thuê là từ 1 năm đến 38 năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo***34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2013	2012
	VNĐ	VNĐ
Cung cấp dịch vụ		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	1.520.229.002.505	2.883.900.699.040
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	<u>2.612.295.908.385</u>	<u>4.598.377.551.362</u>
Mua hàng		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	311.120.268.750	319.790.091.940
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	<u>6.061.603.640</u>	<u>125.072.973.120</u>
Vay từ PVcomBank		
Lãi vay đã trả	251.554.960	1.857.131.119
Hoàn trả nợ gốc trong năm	<u>29.202.754.875</u>	<u>58.106.995.800</u>

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2013	2012
	VNĐ	VNĐ
Lương	5.411.898.000	6.352.841.524
Tiền thưởng	1.053.323.000	5.971.830.577
Các khoản phúc lợi khác	<u>306.380.000</u>	<u>248.150.000</u>
	<u>6.771.601.000</u>	<u>12.572.822.101</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VNĐ	VNĐ
Các khoản phải thu		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	721.930.781.664	87.444.483.480
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	<u>912.676.773.192</u>	<u>1.086.553.791.836</u>
Các khoản phải trả		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	101.467.671.900	75.820.397.508
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	<u>2.271.425.208</u>	<u>50.853.686.456</u>
Các khoản vay phải trả		
PVcomBank	-	29.053.497.900
Lãi vay phải trả		
PVcomBank	-	<u>92.205.973</u>
Phải trả khác		
Petro Việt Nam	<u>476.437.653.516</u>	<u>947.358.414.144</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo


35. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Hội đồng quản trị Tổng Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 24 tháng 3 năm 2014.





Phạm Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2014


Hồ Ngọc Yến Phương
Phó Tổng Giám đốc


Đoàn Đức Tùng
Kế toán trưởng


Trần Kim Hoàng
Người lập biểu



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ
KHOAN DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo hợp nhất này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Đức Chiến	Chủ tịch
Ông Phạm Tiến Dũng	Thành viên
Ông Dương Xuân Quang	Thành viên
Bà Đinh Thị Thái	Thành viên
Bà Kiều Thị Hoài Minh	Thành viên
Ông Lê Văn Bé	Thành viên
Ông Trần Văn Hoạt	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Tiến Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Hoạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Văn Đức Tòng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hồ Ngọc Yến Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Văn Vinh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2014

Số: 477/VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (gọi tắt là "Công ty Mẹ") và các công ty con (được gọi chung là "Tổng Công ty") được lập ngày 24 tháng 3 năm 2014, từ trang 3 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài



Vũ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 24 tháng 3 năm 2014
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Thị Thu Sang
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
1144-2013-001-1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị: USD

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		378.750.385	243.835.313
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	123.484.358	51.265.059
1. Tiền	111		44.703.507	34.738.549
2. Các khoản tương đương tiền	112		78.780.851	16.526.510
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		950.751	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		950.751	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		198.920.137	149.665.679
1. Phải thu khách hàng	131		185.690.113	144.206.052
2. Trả trước cho người bán	132		6.954.590	2.574.994
3. Các khoản phải thu khác	135		6.512.376	3.073.791
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(236.942)	(189.158)
IV. Hàng tồn kho	140	6	49.615.381	37.825.646
1. Hàng tồn kho	141		49.664.325	37.876.329
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(48.944)	(50.683)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.779.758	5.078.929
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.119.183	2.727.898
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.596.540	1.921.331
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		18.940	1.510
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.045.095	428.190
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260+270)	200		642.942.576	672.412.947
I. Tài sản cố định	220		593.383.903	639.410.618
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	585.360.499	626.799.697
- Nguyên giá	222		783.562.897	775.019.329
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(198.202.398)	(148.219.632)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	7.184.461	6.910.633
- Nguyên giá	228		10.115.000	9.219.716
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.930.539)	(2.309.083)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	838.943	5.700.288
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		45.514.561	22.003.888
1. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	10,11	44.764.460	20.408.700
2. Đầu tư dài hạn khác	258	12	1.589.148	1.595.188
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	12	(839.047)	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		3.972.450	10.902.891
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	3.212.249	9.769.073
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	-	312.496
3. Tài sản dài hạn khác	268		760.201	821.322
IV. Lợi thế thương mại	270	15	71.662	95.550
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)	280		1.021.692.961	916.248.260

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 40 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 01-DN/HN
Đơn vị: USD

NGUỒN VỐN	Mã Thuyết		31/12/2013	31/12/2012
	số	minh		
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		552.601.564	579.339.080
I. Nợ ngắn hạn	310		321.585.443	273.226.576
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	86.968.432	93.180.949
2. Phải trả người bán	312		101.784.992	107.026.814
3. Người mua trả tiền trước	313		5.139.409	720.536
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	18.093.717	12.635.125
5. Phải trả người lao động	315		9.564.234	5.220.711
6. Chi phí phải trả	316	18	73.868.995	36.914.547
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	14.862.999	7.195.641
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	20	4.828.397	6.515.081
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.474.268	3.817.172
II. Nợ dài hạn	330		231.016.121	306.112.504
1. Phải trả dài hạn khác	333	11	24.864.354	55.288.042
2. Vay và nợ dài hạn	334	21	179.857.418	233.719.203
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	14	4.903	-
4. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	1.208.023
5. Doanh thu chưa thực hiện	338		49.834	259.420
6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	22	26.239.612	15.637.816
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		467.685.961	335.708.492
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	467.685.961	335.708.492
1. Vốn điều lệ	411		148.114.675	117.333.602
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		127.400.152	77.037.828
3. Cổ phiếu quỹ	414		(629.308)	(810.486)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(8.268.443)	(5.256.897)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		37.615.208	28.963.748
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		17.375.183	13.749.931
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		146.078.494	104.690.766
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	24	1.405.436	1.200.688
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (600=300+400+500)	600		1.021.692.961	916.248.260
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			31/12/2013	31/12/2012
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ			507.482	-
2. Ngoại tệ các loại				
Đồng Việt Nam ("VND")			2.044.671.772.314	374.432.274.129
Đồng Euro ("EUR")			6.114	6.114
Bảng Anh ("GBP")			8.238	-
Dinars Algeria ("DZD")			64.744.136	63.593.207
Đô la Singapore ("SGD")			19.751	13.289



Phạm Tiên Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2014

Hồ Ngọc Yến Phương
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đắc Tùng
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 40 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 02-DN/HN

Đơn vị: USD

CHỈ TIÊU	số	minh	2013		2012	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	710.135.165		572.760.520	
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		710.135.165		572.760.520	
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	550.914.721		443.953.132	
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		159.220.444		128.807.388	
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	4.719.904		2.603.270	
6. Chi phí tài chính	22	28	16.550.283		20.186.210	
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		10.651.799		14.491.853	
7. Chi phí bán hàng	24		2.155.194		1.840.477	
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		45.175.939		36.098.454	
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		100.058.932		73.285.517	
10. Thu nhập khác	31		3.023.468		8.359.333	
11. Chi phí khác	32		4.240.545		3.070.607	
12. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(1.217.077)		5.288.726	
13. Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	50	10	10.596.909		2.918.208	
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (60=30+40+50)	60		109.438.764		81.492.451	
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61	29	13.914.945		12.128.042	
16. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62	14	316.498		(134.477)	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (70=60-61-62)	70		95.207.321		69.498.886	
<i>Phân bổ cho:</i>						
- Lợi ích của cổ đông thiểu số		24	423.936		398.934	
- Lợi ích của các bên BCC		11	4.819.314		5.637.817	
- Cổ đông của Tổng Công ty			89.964.071		63.462.135	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	30	<u>0,36</u>		<u>0,27</u>	



Phạm Tiên Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2014

Hồ Ngọc Yến Phương
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đắc Tùng
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
Người lập biểu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**MẪU B 03-DN/HN**
Đơn vị: USD

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: USD	
		2013	2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	109.438.764	81.492.451
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	52.699.518	49.096.789
Các khoản dự phòng	03	(2.009.615)	2.649.632
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.231.434	(108.173)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(13.594.481)	(4.172.806)
Chi phí lãi vay	06	10.651.799	14.491.853
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi về vốn lưu động	08	158.417.419	143.449.746
Biến động các khoản phải thu	09	(43.327.821)	(44.919.150)
Biến động hàng tồn kho	10	(11.787.996)	10.365.236
Biến động các khoản phải trả	11	59.575.997	53.260.659
Biến động chi phí trả trước	12	6.581.710	(2.105.511)
Tiền lãi vay đã trả	13	(13.370.919)	(13.460.448)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(14.112.150)	(10.664.968)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(10.702.845)	(6.757.661)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	131.273.395	129.167.903
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(11.267.853)	(39.026.971)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	88.860	15.276
3. Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25	(26.332.751)	(7.896.158)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	186.636	999.600
5. Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.530.695	3.563.605
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(28.794.413)	(42.344.648)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền nhận vốn góp của cổ đông	31	69.296.579	-
2. Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(72.540)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	28.354.138	86.373.402
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(113.922.273)	(138.893.946)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	35	(14.543.135)	(15.069.507)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(30.814.691)	(67.662.591)
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền trong năm	50	71.664.291	19.160.664
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	51.265.059	32.081.462
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	555.008	22.933
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	123.484.358	51.265.059

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 40 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 03-DN/HN

Đơn vị: USD

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác không bao gồm số tiền 853.100 đô la Mỹ (năm 2012: 2.869.950 đô la Mỹ) là giá trị tài sản mua sắm trong năm chưa thanh toán. Tuy nhiên, tiền mua tài sản cố định trên đã bao gồm 2.869.950 đô la Mỹ (năm 2012: 22.078.546 đô la Mỹ) là giá trị tài sản mua trong năm trước được thanh toán trong năm này.

Tiền thu lãi cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm số tiền 4.874.931 đô la Mỹ (năm 2012: 2.918.208 đô la Mỹ) là số cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm còn phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Tuy nhiên, tiền thu lãi cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm đã bao gồm số tiền 2.918.208 đô la Mỹ (năm 2012: 2.224.202 đô la Mỹ) là số cổ tức và lợi nhuận được chia của năm trước đã thu trong năm nay.

Tiền thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 691.838 đô la Mỹ (năm 2012: 65.730 đô la Mỹ) là số lãi phát sinh còn phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Tuy nhiên, tiền thu lãi tiền gửi và cho vay trong năm đã bao gồm 65.730 đô la Mỹ (năm 2012: 76.251 đô la Mỹ) là số lãi tiền gửi của năm trước đã thu trong năm nay.

Ngoài ra, tiền thu lãi cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm số tiền 633.144 đô la Mỹ là số cổ tức và lợi nhuận được chia đã được thanh toán cản trừ công nợ nội bộ. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền, nên không được trình bày ở báo cáo trên.

Cổ tức đã trả cho cổ đông trong năm không bao gồm số tiền 264.769 đô la Mỹ (năm 2012: 253.857 đô la Mỹ) là số cổ tức đã công bố nhưng chưa chi trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Tuy nhiên, cổ tức đã trả cho cổ đông trong năm đã bao gồm 253.857 đô la Mỹ (năm 2012: 7.857 đô la Mỹ) là số cổ tức của năm trước đã trả trong năm nay.

Tiền nhận vốn góp của cổ đông không bao gồm số tiền 11.846.818 đô la Mỹ là cổ tức năm 2012 đã trả cho cổ đông bằng việc phát hành cổ phiếu trong năm. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền, nên không được trình bày ở báo cáo trên.

Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được không bao gồm số tiền 24.613.884 đô la Mỹ là nợ vay dài hạn với Ngân hàng Standard Chartered mà Công ty TNHH Một thành viên Khoan dầu khí Nước sâu PVD nhận chuyển giao từ Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam bằng hình thức cản trừ công nợ phải trả.



Phạm Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2014

Hồ Ngọc Yến Phương
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đắc Tùng
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
Người lập biểu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty bao gồm Công ty Mẹ, sáu công ty con và bảy công ty liên doanh, cụ thể như sau:

Công ty Mẹ

Công ty Mẹ được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004335 ngày 15 tháng 02 năm 2006 và Giấy chứng nhận điều chỉnh lần 9 ngày 20 tháng 01 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (sau đây gọi là "Petro Việt Nam").

Công ty Mẹ có hai Xí nghiệp trực thuộc và một Chi nhánh hoạt động tại nước ngoài với thông tin chi tiết như sau:

- Xí nghiệp Điều hành Khoan được thành lập theo Nghị quyết ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Hội đồng Quản trị và Quyết định số 1249/QĐ-PVD ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Tổng Giám đốc về việc chuyển đổi Ban điều hành Khoan thành Xí nghiệp Điều hành Khoan và theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0302495126-007 ngày 16 tháng 3 năm 2010 thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4113028028 cùng do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Xí nghiệp Điều hành Khoan đặt tại Lầu 3, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư Khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là "PVD Invest") được thành lập theo quyết định số 06/12/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng Quản trị và theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0302495126 ngày 18 tháng 01 năm 2010, và theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 19 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của PVD Invest đặt tại Lầu 3, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh Algeria được thành lập theo Quyết định số 13/QĐ-HĐQT ngày 02 tháng 3 năm 2006 của Hội đồng Quản trị và giấy chứng nhận thành lập số 04/STM-TT.TNNN ngày 23 tháng 3 năm 2006 do Sở Thương mại thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Chi nhánh Algeria đặt tại Cité Si El, Houas, No. 02, Villa No. 101, Hassi Messaoud, Ouargla, Algeria. Chi nhánh Algeria thuộc sự quản lý và điều hành trực tiếp của Xí nghiệp Điều hành Khoan.

Các công ty con

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD (sau đây gọi tắt là "PVD Offshore") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500803145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 9 năm 2009 và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Offshore đặt tại Số 43A 30 tháng 4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí PVD (sau đây gọi tắt là "PVD Well") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 8 năm 2007 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Well đặt tại phòng 13, Lầu 12A, Tòa nhà Vicom Center, Số 47 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Địa Vật lý Giếng khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là "PVD Logging") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 8 năm 2007 và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Logging đặt tại Lầu 10, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD (trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí, sau đây gọi tắt là “PVD Tech”) được chuyển đổi hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn sang hình thức công ty cổ phần và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 12 tháng 7 năm 2012 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số 035124602 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 7 năm 2012. Trụ sở đăng ký của PVD Tech đặt tại Lầu 8, Tòa nhà Green Power, Số 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD (sau đây gọi tắt là “PVD Training”), trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000441 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 12 tháng 10 năm 2007 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Training đặt tại Khu công nghiệp Đông Xuyên, Đường 30 tháng 4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Khoan dầu khí Nước sâu PVD (sau đây gọi tắt là “PVD DeepWater”), là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310139354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 7 năm 2010 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD DeepWater đặt tại lầu 5, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. PVD DeepWater được ủy quyền của Tổng Công ty và các bên đối tác trong hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) bao gồm Petro Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quân đội (“MBBank”) và Ngân hàng TMCP Đại Dương (“OceanBank”) để quản lý và điều hành dự án hợp tác góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (“TAD” hay “PV Drilling V”). Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của BCC - dự án TAD được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 11.

Quyền sở hữu của Tổng Công ty và vốn điều lệ cùng tình hình góp vốn của Tổng Công ty vào các công ty con được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 15.

Các công ty liên doanh

Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ BJ - PV Drilling (sau đây gọi tắt là “BJ - PVD”) là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 49202100003 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 9 năm 2006 và các giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Tổng vốn điều lệ của BJ - PVD là 5 triệu đô la Mỹ, trong đó Công ty Mẹ nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 49% tại công ty này. Trụ sở đăng ký của BJ-PVD đặt tại Số 65A 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes (sau đây gọi tắt là “PVD - Baker Hughes”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000556 Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 01 năm 2011. Tổng vốn điều lệ của PVD - Baker Hughes là 20 triệu đô la Mỹ, trong đó Công ty Mẹ nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại công ty này. Trụ sở đăng ký của PVD - Baker Hughes đặt tại Lầu 10, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty liên doanh PV Drilling Overseas (sau đây gọi tắt là “PVD Overseas”) được thành lập tại Singapore theo hợp đồng liên doanh với Falcon Energy Group Limited và Giấy đăng ký doanh nghiệp số 201308977C ngày 04 tháng 4 năm 2013. Tổng vốn điều lệ đăng ký tại thời điểm thành lập của PVD Overseas là 1.000 đô la Mỹ và số vốn này sẽ tăng lên tối đa là 70 triệu đô la Mỹ để đầu tư một giàn khoan tự nâng thế hệ mới, trong đó Tổng Công ty hiện đang nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 55% tại công ty này. Tiến độ góp vốn vào liên doanh này sẽ được thực hiện theo tiến độ đầu tư giàn khoan. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty đã thực hiện góp vốn vào liên doanh này với số tiền là 19.182.000 đô la Mỹ. Trụ sở đăng ký của PVD Overseas đặt tại Số 10 Anson Road #22-14 International Plaza Singapore 079903.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Công ty TNHH PV Drilling Expro International (trước đây là Công ty TNHH PV Drilling Production Testers International, sau đây gọi tắt là "PVD - Expro") là một công ty liên doanh được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 491022000098 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 25 tháng 4 năm 2008 và các giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Tổng vốn điều lệ của PVD - Expro là 4 triệu đô la Mỹ, trong đó PVD Logging nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại công ty này. Trụ sở đăng ký của PVD - Expro đặt tại Số 65A 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "PVD Tubulars") là một công ty liên doanh được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492022000134 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 07 tháng 10 năm 2008. Tổng vốn điều lệ của PVD Tubulars là 3,5 triệu đô la Mỹ, trong đó PVD Tech nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại công ty này. Trụ sở đăng ký của PVD Tubulars đặt tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Liên doanh PVD Tech - Oil States Industries (sau đây gọi tắt là "PVD - OSI"), được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492022000217 do Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 24 tháng 11 năm 2011 với vốn điều lệ là 105 tỷ đồng (tương đương 5 triệu đô la Mỹ). PVD Tech hiện đang nắm giữ 51% vốn điều lệ của PVD - OSI. Hoạt động kinh doanh chính của PVD - OSI là sản xuất, chế tạo, ren, tiện các loại đầu nối ống và cấu kiện phụ tùng thay thế và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng các đầu nối ống trong khoan thăm dò và khai thác dầu khí.

Công ty TNHH Vietubes ("Vietubes"), được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492022000111 do Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 15 tháng 02 năm 1995 và sửa đổi ngày 28 tháng 5 năm 2012 với vốn điều lệ là 77.297.205.000 đồng (tương đương 3.707.300 đô la Mỹ), PVD Tech hiện đang nắm giữ 51% vốn điều lệ của Vietubes. Hoạt động kinh doanh chính của Vietubes là gia công kim loại, bao gồm cắt, định dạng và ổn định cấu trúc kim loại, sản xuất các loại phụ kiện cơ khí phục vụ cho ngành khoan thăm dò, khai thác dầu khí và cơ khí hàng hải, ren, gia công, sửa chữa, phục hồi các loại ống chống, cần khoan, ống khai thác, ống dẫn và các phụ kiện ngành công nghiệp Dầu khí.

Quyền sở hữu của Tổng Công ty và vốn điều lệ cùng tình hình góp vốn của Tổng Công ty vào các công ty liên doanh được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 10.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm cung cấp các loại hình dịch vụ khoan, dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng giàn khoan, vật tư, thiết bị khoan, cung ứng lao động cho các giàn khoan, tư vấn đầu tư - quản lý dự án, hoạt động tư vấn quản lý, và cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đô la Mỹ (USD), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Việc trình bày báo cáo tài chính bằng Đô la Mỹ đã được đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận tại công văn số 8036/BTC-CĐKT ngày 21 tháng 6 năm 2010 và thay đổi đơn vị tiền tệ từ đồng Việt Nam sang đô la Mỹ kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty bằng đô la Mỹ là cần thiết để phản ánh đúng bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

125G
HI N
CÓN
4 NH
EL
VIỆT
- TR

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty Mẹ kiểm soát cho đến ngày lập báo cáo hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty Mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính. Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Tổng Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ các cổ đông thiểu số phải gánh chịu vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được ghi giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi các cổ đông này có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia liên doanh đều có lợi ích được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty hạch toán lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các thỏa thuận liên doanh liên quan đến việc đồng kiểm soát và đồng sở hữu đối với tài sản được mua bởi các bên góp vốn liên doanh và được sử dụng cho mục đích liên doanh được gọi là tài sản được đồng kiểm soát. Tổng Công ty hạch toán phần vốn góp vào tài sản được đồng kiểm soát và các phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác theo tỷ lệ cam kết của thỏa thuận liên doanh. Phần nợ phải trả phát sinh riêng được hạch toán toàn bộ vào báo cáo của Tổng Công ty.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty liên doanh được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên doanh. Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư khác và các khoản ký quỹ, ký cược.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Thiết bị văn phòng	3 - 4
Phương tiện vận tải	7
Tài sản khác	3 - 7

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê: Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh.

Tổng Công ty là bên đi thuê: Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính, và tài sản vô hình khác là giá trị lợi thế thương mại khi cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của quyền sử dụng đất. Phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng lần lượt trong 5 năm và 10 năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo phương pháp giá gốc bao gồm giá trị vốn và các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành tại Thông tư 89.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ và linh kiện phát sinh trong năm và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 1 đến 5 năm.

Ngoài ra, bao gồm trong khoản chi phí trả trước dài hạn là lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản của các giàn khoan, tài sản nhận về do sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Khoan Dầu khí Việt Nam trước đây, được kết chuyển và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm kể từ ngày đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí trích trước cho hoạt động của các giàn khoan, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các khoản chi phí phải trả khác. Chi phí phải trả phản ánh giá trị các khoản đã trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh nhưng chưa được thực chi tại thời điểm báo cáo. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được trích trước theo yêu cầu đặc thù và kỹ thuật đảm bảo hoạt động của các giàn khoan phải được sửa chữa lớn định kỳ 3 năm và 5 năm một lần.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm, doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ cung cấp.

12
HI
CÔ
HN
SL
LE
/7

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ của các tài khoản số dư bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại trong quá trình xây dựng các giàn khoan được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” và được bắt đầu phân bổ vào kết quả kinh doanh trong 5 năm từ ngày đưa các giàn khoan này vào hoạt động.

Để lập báo cáo tài chính hợp nhất, tài sản và công nợ của các công ty con và chi nhánh ở nước ngoài được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ hạch toán theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của năm và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Chênh lệch tỷ giá này được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi công ty con hoặc chi nhánh ở nước ngoài chấm dứt hoạt động hoặc được thanh lý.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Tiền mặt	207.669	126.800
Tiền gửi ngân hàng	44.495.838	34.611.749
Các khoản tương đương tiền	78.780.851	16.526.510
	<u><u>123.484.358</u></u>	<u><u>51.265.059</u></u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Hàng mua đang đi đường	4.500.082	287.630
Nguyên liệu, vật liệu	27.325.164	23.890.947
Công cụ, dụng cụ	99.893	30.779
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	753.797	648.469
Hàng hoá	15.627.738	10.820.746
Hàng gửi đi bán	1.357.651	2.197.758
	<u>49.664.325</u>	<u>37.876.329</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(48.944)	(50.683)
	<u><u>49.615.381</u></u>	<u><u>37.825.646</u></u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc USD	Máy móc và thiết bị USD	Thiết bị văn phòng USD	Phương tiện vận tải USD	Tài sản khác USD	Tổng USD
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2013	15.149.231	753.212.594	3.189.590	3.409.763	58.151	775.019.329
Tăng trong năm	594.682	6.405.526	370.817	792	-	7.371.817
XDCB hoàn thành	312.330	5.399.270	8.399	124.498	-	5.844.497
Phân loại lại	(25.265)	(411.349)	(1.129.284)	(5.583)	(3.768)	(1.575.249)
Thanh lý	-	(153.430)	(164.475)	(20.354)	-	(338.259)
Giảm khác	(1.767)	-	(24.718)	-	-	(26.485)
Chênh lệch tỷ giá	(60.260)	(2.652.047)	(9.997)	(10.431)	(18)	(2.732.753)
Tại ngày 31/12/2013	<u>15.968.951</u>	<u>761.800.564</u>	<u>2.240.332</u>	<u>3.498.685</u>	<u>54.365</u>	<u>783.562.897</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2013	3.436.840	140.552.351	2.002.931	2.207.296	20.214	148.219.632
Khấu hao trong năm	792.563	50.293.832	630.516	348.421	12.337	52.077.669
Phân loại lại	(15.475)	(295.896)	(842.959)	(1.311)	(3.437)	(1.159.078)
Thanh lý	-	(116.077)	(164.475)	(20.354)	-	(300.906)
Giảm khác	(1.767)	-	(24.718)	-	-	(26.485)
Chênh lệch tỷ giá	(36.868)	(559.350)	(6.006)	(6.192)	(18)	(608.434)
Tại ngày 31/12/2013	<u>4.175.293</u>	<u>189.874.860</u>	<u>1.595.289</u>	<u>2.527.860</u>	<u>29.096</u>	<u>198.202.398</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2013	<u>11.793.658</u>	<u>571.925.704</u>	<u>645.043</u>	<u>970.825</u>	<u>25.269</u>	<u>585.360.499</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>11.712.391</u>	<u>612.660.243</u>	<u>1.186.659</u>	<u>1.202.467</u>	<u>37.937</u>	<u>626.799.697</u>

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình hợp nhất báo cáo các công ty con và chi nhánh ở Algeria từ giá gốc tài sản thể hiện tương ứng bằng Đồng Việt Nam và Dinar Algeria sang đô la Mỹ.

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Tổng Công ty đã sử dụng một số tài sản với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 với số tiền là 490.080.752 đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 529.384.539 đô la Mỹ) làm đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 với giá trị 8.972.602 đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 6.398.517 đô la Mỹ).

Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện phân loại lại một số tài sản cố định theo hướng dẫn tại Thông tư số 45.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất <u>USD</u>	Phần mềm máy tính <u>USD</u>	Khác <u>USD</u>	Tổng <u>USD</u>
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2013	6.121.918	1.495.022	1.602.776	9.219.716
Tăng trong năm	-	32.848	-	32.848
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	863.186	-	863.186
Chênh lệch tỷ giá	-	(750)	-	(750)
Tại ngày 31/12/2013	<u>6.121.918</u>	<u>2.390.306</u>	<u>1.602.776</u>	<u>10.115.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2013	490.470	1.068.349	750.264	2.309.083
Khấu hao trong năm	105.469	236.618	279.762	621.849
Chênh lệch tỷ giá	-	(393)	-	(393)
Tại ngày 31/12/2013	<u>595.939</u>	<u>1.304.574</u>	<u>1.030.026</u>	<u>2.930.539</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2013	<u>5.525.979</u>	<u>1.085.732</u>	<u>572.750</u>	<u>7.184.461</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>5.631.448</u>	<u>426.673</u>	<u>852.512</u>	<u>6.910.633</u>

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo hạng mục:

	31/12/2013 <u>USD</u>	31/12/2012 <u>USD</u>
Chi phí triển khai ERP giai đoạn 2	-	458.176
Phí bản quyền phần mềm quản lý nhân sự	8.176	265.517
Mua thiết bị khoan	-	4.542.297
Các công trình xây dựng cơ bản khác	<u>830.767</u>	<u>434.298</u>
	<u>838.943</u>	<u>5.700.288</u>

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

Tóm tắt các thông tin tài chính liên quan đến các công ty liên doanh của Tổng Công ty:

Tên công ty liên doanh	Vốn điều lệ đăng ký <u>USD</u>	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn đã góp	
			31/12/2013 <u>USD</u>	31/12/2012 <u>USD</u>
BJ - PVD	5.000.000	49	2.399.255	2.399.255
PVD - Expro	4.000.000	51	2.040.000	2.040.000
PVD Tubulars	3.500.000	51	1.785.000	1.785.000
PVD - Baker Hughes	20.000.000	51	10.200.000	4.000.000
Vietubes	3.707.300	51	4.159.922	4.346.558
PVD Overseas	70.000.000	55	19.182.000	-
PVD - OSI	<u>5.000.000</u>	51	<u>2.550.000</u>	<u>2.550.000</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Giá trị ghi sổ các khoản đầu tư vào công ty liên doanh tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
BJ - PVD	3.374.672	4.455.012
PVD - Expro	3.095.575	2.391.766
PVD Tubular	1.785.000	2.450.939
PVD - Baker Hughes	10.200.000	4.000.000
Vietubes	4.486.272	4.788.688
PVD Overseas	19.182.000	-
PVD - OSI	2.640.941	2.322.295
	<u>44.764.460</u>	<u>20.408.700</u>

Phần sở hữu của Tổng Công ty đối với lợi nhuận và giá trị khoản đầu tư tại các công ty liên doanh trong năm như sau:

	Tại ngày 31/12/2012	Vốn góp	Lợi nhuận trước giai đoạn đầu tư	Lợi nhuận trong công ty liên doanh	Lợi nhuận đã công bố	Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	Tại ngày 31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>
BJ - PVD	4.455.012	-	-	941.909	(2.022.249)	-	3.374.672
PVD - Expro	2.391.766	-	-	1.072.373	(361.674)	(6.890)	3.095.575
PVD Tubulars	2.450.939	-	-	370.731	(1.033.268)	(3.402)	1.785.000
PVD - Baker Hughes	4.000.000	6.200.000	-	7.684.553	(7.684.553)	-	10.200.000
Vietubes	4.788.688	-	(186.636)	209.420	(321.711)	(3.489)	4.486.272
PVD Overseas	-	19.182.000	-	-	-	-	19.182.000
PVD - OSI	2.322.295	-	-	317.923	-	723	2.640.941
	<u>20.408.700</u>	<u>25.382.000</u>	<u>(186.636)</u>	<u>10.596.909</u>	<u>(11.423.455)</u>	<u>(13.058)</u>	<u>44.764.460</u>

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, báo cáo tài chính của PVD - Baker Hughes cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 vẫn chưa chính thức phê duyệt bởi Hội đồng Thành viên của liên doanh, phần lợi nhuận của Tổng Công ty trong Công ty liên doanh vẫn chưa được xác định một cách chắc chắn, do đó chưa được ghi nhận.

Chi tiết khoản đầu tư vào Vietubes trong năm 2013 như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Khoản vốn góp vào liên doanh	5.346.158	5.346.158
Lợi nhuận được chia của giai đoạn trước đầu tư	(1.186.236)	(999.600)
Giá trị thuần của khoản đầu tư	4.159.922	4.346.558
Trong đó: <i>Phần vốn chủ sở hữu được ghi nhận tại liên doanh</i>	2.927.481	3.114.117
<i>Lợi thế thương mại</i>	1.232.441	1.232.441
Lợi nhuận được chia	326.350	442.130
Trong đó: <i>Lợi nhuận được chia đầu năm</i>	442.130	-
<i>Lợi nhuận được chia trong năm</i>	332.664	534.563
<i>Lợi nhuận đã nhận trong năm</i>	(321.711)	-
<i>Chênh lệch tỷ giá</i>	(3.489)	-
<i>Phân bổ lợi thế thương mại trong năm</i>	(123.244)	(92.433)
Giá trị khoản đầu tư cuối năm	4.486.272	4.788.688

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***11. HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH - BCC**

Tổng Công ty cùng với Petro Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quân đội (“MBBank”) và Ngân hàng TMCP Đại Dương (“OceanBank”) hợp tác cùng tham gia dự án góp vốn đầu tư đồng mới và kinh doanh giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (giàn khoan “TAD” hay giàn khoan “PV Drilling V”) với thời hạn hợp đồng hợp tác kinh doanh là 17 năm tính từ ngày 10 tháng 9 năm 2009. Theo thỏa thuận giữa các bên, PVD Deepwater, công ty con Tổng Công ty, được ủy quyền quản lý và điều hành dự án cũng như thực hiện hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh của hợp đồng hợp tác kinh doanh và phân chia lợi nhuận cho các bên theo tỷ lệ vốn góp.

Tỷ lệ vốn góp của các bên theo thỏa thuận tại hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

	Tỷ lệ %
Phần vốn góp của Petro Việt Nam:	23,00
Phần vốn góp của Tổng Công ty:	62,43
Phần vốn góp của MBBank:	9,71
Phần vốn góp của OceanBank:	4,86

Số vốn thực góp của các đối tác trong BCC ghi nhận Phải trả dài hạn khác:

	31/12/2013 USD	31/12/2012 USD
- PVN	14.491.854	45.471.865
- MBBank	6.915.000	6.396.641
- OceanBank	3.457.500	3.301.170
- Khác	-	118.366
	<u>24.864.354</u>	<u>55.288.042</u>

Trong năm, Petro Việt Nam đã chuyển phần vốn góp vào BCC bằng khoản vay từ Ngân hàng Standard Chartered cho PVD DeepWater nhận nợ theo cam kết tại hợp đồng BCC, do đó số vốn góp của Petro Việt Nam vào BCC đã giảm đi tương ứng.

Tình hình tài chính của BCC được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty như sau:

	31/12/2013 USD	31/12/2012 USD
Tổng tài sản	204.124.525	226.922.051
Trong đó: Giá trị còn lại của giàn khoan PV Drilling V	<u>167.061.548</u>	<u>184.704.971</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	2013	2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Doanh thu	76.595.651	65.380.996
Giá vốn	43.488.656	37.843.760
Chi phí quản lý	11.831.493	9.362.855
Chi phí tài chính	6.923.048	7.910.691
Doanh thu tài chính	217.175	135.423
Lợi nhuận khác	(2.610.851)	3.834.007
Lợi nhuận thuần	11.958.778	14.233.120
Điều chỉnh cho các khoản chi phí không thuộc BCC	868.781	773.048
Lợi nhuận phân phối cho BCC	12.827.559	15.006.168
<i>Phân chia lợi nhuận thuần theo tỷ lệ vốn góp</i>		
Tổng Công ty	7.139.464	8.595.303
Các bên BCC:	4.819.314	5.637.817
<i>Petro Việt Nam</i>	2.950.339	3.451.419
<i>MBBank</i>	1.245.556	1.457.099
<i>OceanBank</i>	<u>623.419</u>	<u>729.299</u>

Trong năm, Tổng Công ty đã công bố và chi trả lợi nhuận năm 2012 cho các bên với số tiền là 54.286.140.698 đồng tương đương 2.593.081 đô la Mỹ. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 của BCC chưa được phê duyệt bởi các bên trong BCC. Do đó, Tổng Công ty tạm thời ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận cho các bên trong BCC theo tỷ lệ góp vốn.

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	1.114.765	1.114.765
Chứng chỉ quỹ, tiền gửi	<u>474.383</u>	<u>480.423</u>
	1.589.148	1.595.188
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	<u>(839.047)</u>	<u>-</u>
	<u><u>750.101</u></u>	<u><u>1.595.188</u></u>

Chứng chỉ quỹ, tiền gửi tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 5 năm kể từ ngày 16 tháng 3 năm 2010 với lãi suất thay đổi hàng năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") nhằm đảm bảo cho khoản vay dài hạn có hạn mức 10 tỷ đồng của PVD Tech.

Trong năm Tổng Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí với mức trích lập dự phòng là phần chênh lệch giữa giá trị sổ sách và giá trị thị trường của khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Lỗi chênh lệch tỷ giá giai đoạn xây dựng cơ bản	1.335.249	2.791.885
Chi phí trả trước dài hạn cho giàn PV Drilling II và III	124.831	595.718
Chi phí sửa chữa cho giàn PV Drilling I	-	180.911
Chi phí duy tu, bảo dưỡng giàn	-	4.475.044
Chi phí trả trước dài hạn cho giàn PV Drilling V	826.066	1.320.688
Chi phí trả trước dài hạn khác	926.103	404.827
	<u><u>3.212.249</u></u>	<u><u>9.769.073</u></u>

14. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm 2013 và 2012:

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác <u>USD</u>	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện <u>USD</u>	Tổng <u>USD</u>
Tại ngày 01/01/2012	226.208	(48.189)	178.019
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	5.722	128.755	134.477
Tại ngày 31/12/2012	231.930	80.566	312.496
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	(296.868)	(19.630)	(316.498)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	(926)	25	(901)
Tại ngày 31/12/2013	<u><u>(65.864)</u></u>	<u><u>60.961</u></u>	<u><u>(4.903)</u></u>

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Thông tin chi tiết về tình hình góp vốn và giá trị khoản đầu tư vào các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên công ty con	31/12/2013				31/12/2012			
	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn điều lệ đăng ký VNĐ	Vốn điều lệ đã góp USD	Giá trị khoản đầu tư USD	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn điều lệ đăng ký VNĐ	Vốn điều lệ đã góp USD	Giá trị khoản đầu tư USD
PVD Offshore	100	80.000.000.000	4.393.822	4.393.822	100	80.000.000.000	4.393.822	4.393.822
PVD Well	100	80.000.000.000	4.081.469	4.081.469	100	50.000.000.000	2.643.378	2.643.378
PVD Logging	100	80.000.000.000	4.236.959	4.236.959	100	80.000.000.000	4.236.959	4.236.959
PVD Tech	100	200.000.000.000	10.324.805	10.324.805	100	200.000.000.000	10.324.805	10.324.805
PVD Training	52	28.958.670.000	831.970	1.096.066	52	28.958.670.000	831.970	1.096.066
PVD DeepWater	100	764.000.000.000	39.692.090	39.692.090	100	100.000.000.000	4.799.846	4.799.846
			<u><u>63.825.211</u></u>				<u><u>27.494.876</u></u>	

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số 035123077 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 11 năm 2012 vốn điều lệ đăng ký của PVD Well là 80.000.000.000 đồng. Trong năm, Công ty Mẹ đã thực hiện góp thêm vốn vào PVD Well với tổng vốn điều lệ đã góp thêm là 1.438.091 đô la Mỹ tương đương với 30.000.000.000 đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số 0310139354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 8 năm 2013 vốn điều lệ đăng ký của PVD DeepWater là 764.000.000.000 đồng. Trong năm, Công ty Mẹ đã thực hiện góp thêm vốn vào PVD DeepWater với tổng vốn điều lệ đã góp thêm là 34.892.244 đô la Mỹ tương đương với 664.000.000.000 đồng bằng hình thức cắt trừ công nợ nội bộ.

Vào ngày 12 tháng 8 năm 2007, Tổng Công ty đã mua 51% quyền sở hữu PVD Training, trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, với giá mua là 6.790.091.000 đồng (tương đương 388.501 đô la Mỹ). Nghiệp vụ mua này tạo ra một khoản lợi thế thương mại cho Tổng Công ty với số tiền là 238.874 đô la Mỹ.

Tình hình tăng giảm lợi thế thương mại trong năm như sau:

Lợi thế thương mại
USD

Giá trị lợi thế thương mại tại ngày 01/01/2013 và 31/12/2013 238.874

GIÁ TRỊ PHÂN BỐ LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2013 143.324

Phân bổ trong năm 23.888

Tại ngày 31/12/2013 167.212

GIÁ TRỊ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI CÒN LẠI

Tại ngày 31/12/2013 71.662

Tại ngày 31/12/2012 95.550

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Vay ngắn hạn	5.617.278	19.347.025
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21)	81.351.154	73.833.924
	<u>86.968.432</u>	<u>93.180.949</u>

Chi tiết về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Ngân hàng HSBC Việt Nam	3.590.119	8.264.088
Ngân hàng Vietcombank	2.017.614	11.082.937
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	9.545	-
	<u>5.617.278</u>	<u>19.347.025</u>

Các khoản vay ngắn hạn là các khoản vay tín chấp với thời hạn vay tối đa là 6 tháng và dùng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động của Tổng Công ty. Hạn mức tín dụng của các khoản vay này như sau:

<u>Ngân hàng</u>	<u>Công ty</u>	<u>Hạn mức tín dụng</u>	<u>Đơn vị tiền tệ</u>
HSBC Vietnam	PVD Tech	2.000.000	USD
HSBC Vietnam	PVD Logging	2.000.000	USD
Vietcombank	PVD Offshore	70.000.000.000	VNĐ
Vietcombank	PVD Tech	60.000.000.000	VNĐ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước trong năm của Tổng Công ty như sau:

	01/01/2013	Số phải nộp	Số đã nộp	Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi	31/12/2013
	USD	USD	USD	báo cáo tài chính	USD
				USD	
Thuế giá trị gia tăng	5.518.882	46.865.656	42.172.991	(18.449)	10.193.098
Thuế xuất nhập khẩu	177.030	2.089.656	2.265.782	(904)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.489.249	13.914.945	14.112.150	(16.025)	3.276.019
Thuế thu nhập cá nhân	1.197.898	26.345.706	25.046.454	(3.655)	2.493.495
Thuế môn bài	-	1.099	1.099	-	-
Các loại thuế khác	2.252.066	25.740.549	25.875.426	(5.024)	2.112.165
	12.635.125	114.957.611	109.473.902	(44.057)	18.074.777
Trong đó:					
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước					(18.940)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước					18.093.717

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	31/12/2012
	USD	USD
Chi phí trích trước liên quan đến hoạt động các giàn khoan	46.440.166	21.281.883
Trích trước chi phí lãi vay	1.914.087	4.633.207
Lương hiệu quả	286.010	-
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	9.928.149	-
Phí quản lý Petro Việt Nam	894.285	694.658
Các khoản khác	14.406.298	10.304.799
	73.868.995	36.914.547

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	USD	USD
Cổ tức phải trả	264.769	253.857
Lợi nhuận phải trả các bên BCC	7.551.399	6.311.217
Phải trả Petro Việt Nam - nợ vay với Ngân hàng Standard Chartered đã thanh toán hộ cho PVD DeepWater theo hợp đồng BCC	4.802.079	-
Các khoản phải trả khác	2.244.752	630.567
	14.862.999	7.195.641

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012, khoản dự phòng phải trả ngắn hạn thể hiện quỹ lương dự phòng đã trích với tỷ lệ 17% quỹ lương được duyệt theo quyết định của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Các khoản vay dài hạn	261.208.572	307.553.127
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 16)	<u>(81.351.154)</u>	<u>(73.833.924)</u>
	<u>179.857.418</u>	<u>233.719.203</u>

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Ngân hàng Vietcombank	27.958.696	38.424.742
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam ("PVcomBank", trước đây là "PVFC")	-	1.394.925
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	105.388.277	128.388.277
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) ("HSBC")	28.750.000	51.750.000
MB và Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam ("Vietinbank")	46.794.327	53.993.454
MBBank và OceanBank	16.641.498	19.201.729
Ngân hàng Standard Chartered ("SC")	35.540.333	14.400.000
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo	<u>135.441</u>	<u>-</u>
	<u>261.208.572</u>	<u>307.553.127</u>

Chi tiết hợp đồng vay theo nguyên tệ:

Ngân hàng	Mục đích tài trợ xây dựng	Lãi suất %	Hình thức đảm bảo	Dư nợ 31/12/2013	Đơn vị tiền tệ
Vietcombank	Giàn PVDrilling I	SIBOR 6 tháng + biên	PVN bảo lãnh	10.248.102	USD
BIDV - đồng tài trợ	Giàn PVDrilling II	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Giàn PV Drilling II	93.588.277	USD
BIDV	Giàn PVDrilling III	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Không có	11.800.000	USD
HSBC - đồng tài trợ	Giàn PVDrilling III	LIBOR 3 tháng + biên	PVN bảo lãnh và giàn PV Drilling III	28.750.000	USD
MBBank và Vietinbank	Giàn PVDrilling V	SIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	46.794.327	USD
SC	Giàn PVDrilling V	LIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	10.800.000	USD
MBBank và OceanBank	Giàn PVDrilling V	LIBOR 6 tháng + biên	Giá trị giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	16.641.498	USD
Vietcombank	Giàn PVDrilling V	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Giá trị giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	13.407.080	USD
SC	Giàn PVDrilling V	LIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	24.740.333	USD
Vietcombank	Dự án nhà xưởng mở rộng giai đoạn II tại khu công nghiệp Đông Xuyên	Tiết kiệm 5 năm + 2%	Đảm bảo bằng khoản tiền gửi dài hạn 5 năm.	2.557.350.298	VND
Vietcombank	Mua sắm máy móc thiết bị	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Tài sản hình thành từ dự án	17.361.359.542	VND
Vietcombank	Mua sắm máy móc thiết bị	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Tài sản hình thành từ dự án	1.149.984	USD
Vietcombank	Đầu tư mua mới thiết bị kéo thả ống chống	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Tài sản hình thành từ dự án	2.206.644	USD

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	USD	USD
Trong vòng một năm	81.351.154	73.833.924
Trong năm thứ hai	54.285.223	72.650.120
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	102.114.271	108.225.935
Sau năm năm	23.457.924	52.843.148
	<u>261.208.572</u>	<u>307.553.127</u>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(81.351.154)</u>	<u>(73.833.924)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>179.857.418</u>	<u>233.719.203</u>

22. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Theo Điều lệ của Tổng Công ty, Tổng Công ty được trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ với tỷ lệ tối đa 10% lợi nhuận tính thuế. Tình hình trích lập và sử dụng quỹ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong năm như sau:

	2013	2012
	USD	USD
Số dư đầu năm	15.637.816	6.980.541
Số quỹ được trích lập	10.697.628	8.676.976
Số quỹ đã sử dụng	(14.779)	(19.701)
Chênh lệch tỷ giá	(81.053)	-
Số dư cuối năm	<u>26.239.612</u>	<u>15.637.816</u>

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 9, vốn điều lệ của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 2.755.286.950.000 đồng. Vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty:

	2013		2012	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	275.528.695	2.755.286.950.000	210.508.215	2.105.082.150.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	235.528.695	2.355.286.950.000	210.508.215	2.105.082.150.000
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	40.000.000	400.000.000.000	-	-
	<u>275.528.695</u>	<u>2.755.286.950.000</u>	<u>210.508.215</u>	<u>2.105.082.150.000</u>
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(270.580)	(2.705.800.000)	(348.480)	(3.484.800.000)
	<u>(270.580)</u>	<u>(2.705.800.000)</u>	<u>(348.480)</u>	<u>(3.484.800.000)</u>
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	235.258.115	2.352.581.150.000	210.159.735	2.101.597.350.000
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	40.000.000	400.000.000.000	-	-
	<u>275.258.115</u>	<u>2.752.581.150.000</u>	<u>210.159.735</u>	<u>2.101.597.350.000</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu có mệnh giá là 10.000 đồng. Các cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu này phải chịu hạn chế mà theo đó cổ đông nắm giữ các cổ phiếu này không được bán lại các cổ phiếu mà họ nắm giữ trong vòng từ 1 đến 3 năm đầu tiên kể từ ngày phát hành.

Cổ đông sáng lập đồng thời là cổ đông chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại 31 tháng 12 năm 2012 là Petro Việt Nam hiện sở hữu 138.828.214 cổ phần tương ứng 50,44% (tại 31 tháng 12 năm 2012 là 106.055.468 cổ phần tương ứng 50,46%) tổng số cổ phần đang lưu hành của Tổng Công ty.

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2013/ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013, trong năm Tổng Công ty đã thực hiện việc phát hành riêng lẻ 38 triệu cổ phần cho các cổ đông chiến lược và 2 triệu cổ phần cho cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty đã hoàn tất việc phát hành thêm cổ phần. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đã nhận Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh cho số vốn điều lệ tăng thêm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ USD	Thặng dư vốn cổ phần USD	Cổ phiếu quỹ USD	Chênh lệch tỷ giá hối đoái USD	Quỹ đầu tư phát triển USD	Quỹ dự phòng tài chính USD	Lợi nhuận chưa phân phối USD	Tổng USD
Tại ngày 01/01/2012	117.333.602	77.037.828	(2.342.963)	(1.746.136)	22.729.918	11.230.241	73.537.290	297.779.780
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	-	(15.095.533)	(15.095.533)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(72.540)	-	-	-	-	(72.540)
Thưởng cổ phiếu quỹ	-	-	1.605.017	-	-	-	-	1.605.017
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(3.510.761)	-	-	-	(3.510.761)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	69.498.886	69.498.886
Phân phối quỹ	-	-	-	-	6.233.830	2.519.690	(17.461.802)	(8.708.282)
Phân phối cho Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	(398.934)	(398.934)
Phân phối cho các bên BCC	-	-	-	-	-	-	(5.389.141)	(5.389.141)
Tại ngày 31/12/2012	117.333.602	77.037.828	(810.486)	(5.256.897)	28.963.748	13.749.931	104.690.766	335.708.492
Cổ tức công bố	11.846.818	-	-	-	-	-	(23.683.982)	(11.837.164)
Vốn góp	18.934.255	50.362.324	-	-	-	-	-	69.296.579
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(3.011.546)	-	-	-	(3.011.546)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	95.207.321	95.207.321
Phân phối quỹ	-	-	-	-	8.832.638	3.625.252	(24.892.361)	(12.434.471)
Phân phối cho Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	(423.936)	(423.936)
Phân phối cho các bên BCC	-	-	-	-	-	-	(4.819.314)	(4.819.314)
Thưởng cổ phiếu quỹ	-	-	181.178	-	(181.178)	-	-	-
Tại ngày 31/12/2013	148.114.675	127.400.152	(629.308)	(8.268.443)	37.615.208	17.375.183	146.078.494	467.685.961

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty đã tạm trích quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành với tỷ lệ lần lượt là 5%, 10%, 12,5% và 1,5% từ lợi nhuận sau thuế trong năm theo Điều lệ của Tổng Công ty. Số liệu cuối cùng đối với việc trích lập các quỹ sẽ được cổ đông xác định và phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Theo Nghị quyết số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Đại hội đồng cổ đông, Tổng Công ty quyết định phương án chia cổ tức năm 2012 là 20% vốn điều lệ với 10% bằng tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty đã thực hiện việc chia 10% cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông với số tiền 11.837.164 đô la Mỹ tương đương 250.237.635.000 đồng. Tổng Công ty cũng tăng vốn điều lệ thêm 11.846.818 đô la Mỹ tương đương 250.204.800.000 đồng từ việc thanh toán 10% cổ tức năm 2012 bằng cổ phiếu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Chi tiết chênh lệch tỷ giá hối đoái ("CLTG") như sau:

	CLTG từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động nước ngoài (Chi nhánh Algeria) USD	CLTG từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty con USD	CLTG phát sinh từ đánh giá lại các tài khoản ngắn hạn có gốc ngoại tệ cuối năm USD	Tổng số USD
Tại 01/01/2012	985.500	(2.765.101)	33.465	(1.746.136)
Phát sinh trong năm	(941.424)	(2.535.872)	(33.465)	(3.510.761)
Tại 31/12/2012	44.076	(5.300.973)	-	(5.256.897)
Phát sinh trong năm	(260.467)	(2.751.079)	-	(3.011.546)
Tại 31/12/2013	<u>(216.391)</u>	<u>(8.052.052)</u>	-	<u>(8.268.443)</u>

24. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của PVD Training.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số tại PVD Training được xác định như sau:

	VND	Tương đương USD
Vốn điều lệ của công ty con (PVD Training)	28.958.670.000	1.606.508
Trong đó:		
Vốn phân bổ cho Tổng Công ty	14.996.960.000	831.970
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	13.961.710.000	774.538
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	<u>48,21%</u>	<u>48,21%</u>

Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	31/12/2013 USD	31/12/2012 USD
Tổng tài sản	9.067.840	4.212.630
Tổng nợ phải trả	(6.152.755)	(1.720.753)
Tài sản thuần	<u>2.915.085</u>	<u>2.491.877</u>

Chi tiết như sau:

Vốn điều lệ	1.606.508	1.606.508
Thặng dư vốn cổ phần	16.506	16.506
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	(290.355)	(262.206)
Các quỹ khác	399.623	267.727
Lợi nhuận chưa phân phối	1.182.803	863.342

Lợi ích của cổ đông thiểu số**1.405.436****1.200.688***Chi tiết như sau:*

Vốn điều lệ	774.538	774.538
Thặng dư vốn cổ phần	7.249	7.249
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	(139.169)	(126.956)
Các quỹ khác	192.669	129.078
Lợi nhuận chưa phân phối	570.149	416.779

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012:

	2013	2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Lợi nhuận trong năm	879.306	827.448
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số	<u>423.936</u>	<u>398.934</u>

25. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động bao gồm bộ phận cung cấp dịch vụ khoan, bộ phận thương mại và bộ phận cung cấp các dịch vụ khác. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận cung cấp dịch vụ khoan (“DV khoan”): cung ứng giàn khoan và dịch vụ khoan.
- Bộ phận thương mại (“Thương mại”): cung ứng vật tư, thiết bị khoan.
- Bộ phận cung cấp các dịch vụ khác (“Dịch vụ khác”): cung cấp dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng lao động cho các giàn khoan, tư vấn đầu tư - quản lý dự án, hoạt động tư vấn quản lý, và cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

Thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013**

	DV khoan	Thương mại	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng cộng
	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Tài sản					
Tài sản bộ phận	712.618.130	64.968.199	382.705.537	(138.598.905)	1.021.692.961
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-
Tổng tài sản hợp nhất					<u><u>1.021.692.961</u></u>
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	667.099.898	50.967.150	(89.829.025)	(75.636.459)	552.601.564
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả hợp nhất					<u><u>552.601.564</u></u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Kết quả hoạt động kinh doanh****Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**

	DV khoan	Thương mại	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng cộng
	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Doanh thu gộp	456.733.633	54.307.095	255.314.050	(56.219.613)	710.135.165
Doanh thu thuần	456.733.633	54.307.095	255.314.050	(56.219.613)	710.135.165
Giá vốn hàng bán	342.186.837	50.965.159	200.211.150	(42.448.425)	550.914.721
Lợi nhuận gộp	114.546.796	3.341.936	55.102.900	(13.771.188)	159.220.444
Doanh thu hoạt động tài chính	750.782	837.993	31.120.042	(27.988.913)	4.719.904
Chi phí tài chính	12.450.368	433.296	3.981.477	(314.858)	16.550.283
Chi phí bán hàng	648.782	22.962	1.483.450	-	2.155.194
Chi phí quản lý doanh nghiệp	24.634.070	2.036.553	32.252.618	(13.747.302)	45.175.939
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	77.564.358	1.687.118	48.505.397	(27.697.941)	100.058.932
Thu nhập khác	533.490	117.737	2.372.241	-	3.023.468
Chi phí khác	3.234.906	95.034	910.605	-	4.240.545
(Lỗ)/lợi nhuận khác	(2.701.416)	22.703	1.461.636	-	(1.217.077)
Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	-	-	-	-	10.596.909
Lợi nhuận kế toán trước thuế	74.862.942	1.709.821	49.967.033	(27.697.941)	109.438.764
Chi phí thuế TNDN hiện hành					13.914.945
Chi phí thuế TNDN hoãn lại					316.498
Lợi nhuận sau thuế					<u>95.207.321</u>

Bảng cân đối kế toán**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012**

	DV khoan	Thương mại	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng cộng
	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Tài sản					
Tài sản bộ phận	760.225.455	68.490.612	738.285.730	(650.753.537)	916.248.260
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-
Tổng tài sản hợp nhất					<u>916.248.260</u>
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	748.571.714	56.679.069	395.099.840	(621.011.543)	579.339.080
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả hợp nhất					<u>579.339.080</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Kết quả hoạt động kinh doanh****Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**

	DV khoan <u>USD</u>	Thương mại <u>USD</u>	Dịch vụ khác <u>USD</u>	Loại trừ <u>USD</u>	Tổng cộng <u>USD</u>
Doanh thu gộp	332.670.818	71.697.888	221.509.791	(53.117.977)	572.760.520
Doanh thu thuần	332.670.818	71.697.888	221.509.791	(53.117.977)	572.760.520
Giá vốn hàng bán	248.776.447	68.848.288	167.368.955	(41.040.558)	443.953.132
Lợi nhuận gộp	83.894.371	2.849.600	54.140.836	(12.077.419)	128.807.388
Doanh thu hoạt động tài chính	679.694	813.444	17.938.963	(16.828.831)	2.603.270
Chi phí tài chính	16.422.512	384.847	3.533.088	(154.237)	20.186.210
Chi phí bán hàng	814.777	34.034	1.046.301	(54.635)	1.840.477
Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.424.565	2.231.927	27.440.859	(11.998.897)	36.098.454
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	48.912.211	1.012.236	40.059.551	(16.698.481)	73.285.517
Thu nhập khác	6.542.632	109.555	1.707.146	-	8.359.333
Chi phí khác	2.373.883	54.707	642.017	-	3.070.607
Lợi nhuận khác	4.168.749	54.848	1.065.129	-	5.288.726
Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	-	-	-	-	2.918.208
Lợi nhuận kế toán trước thuế	53.080.960	1.067.084	41.124.680	(16.698.481)	81.492.451
Chi phí thuế TNDN hiện hành					12.128.042
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại					(134.477)
Lợi nhuận sau thuế					69.498.886

Bộ phận theo khu vực địa lý

Tổng Công ty hiện nay chủ yếu hoạt động tại Việt Nam, đơn vị kinh doanh ngoài Việt Nam (Chi nhánh Algeria) có tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh chiếm không trọng yếu (dưới 10%) trong tổng tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2013 <u>USD</u>	2012 <u>USD</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.768.958	44.268.936
Chi phí nhân công	146.131.915	133.372.098
Chi phí khấu hao tài sản cố định	52.699.518	49.096.789
Chi phí dịch vụ mua ngoài	301.663.451	170.953.275
Chi phí khác	21.016.853	15.339.050
Giá vốn thương mại	50.965.159	68.861.915
	598.245.854	481.892.063



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2013	2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.969.953	1.328.882
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.749.951	1.273.380
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	1.008
	<u>4.719.904</u>	<u>2.603.270</u>

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2013	2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Chi phí lãi vay	10.651.799	14.491.853
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.231.434	85.239
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.124.186	3.899.185
Chi phí tài chính khác	1.542.864	1.709.933
	<u>16.550.283</u>	<u>20.186.210</u>

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2013	2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Lợi nhuận trước thuế	109.438.764	81.492.451
Thu nhập không chịu thuế	(29.395.692)	(16.839.347)
Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.799.785	4.516.567
Thu nhập chịu thuế	81.842.857	69.169.671
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	14.063.994	11.844.886
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung của năm trước	(149.049)	283.156
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>13.914.945</u>	<u>12.128.042</u>

Tổng Công ty chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất hiện hành (25%), ngoại trừ các ưu đãi thuế như sau:

- Công ty Mẹ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm (năm 2007 và 2008) và giảm 50% cho năm tiếp theo (từ năm 2009 đến 2013) đối với thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chính. Riêng thu nhập từ hoạt động kinh doanh của giàn khoan PV Drilling II và PV Drilling III, tài sản nhận về do sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư khoan Dầu khí Việt Nam trước đây, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm (năm 2010 và 2011) và giảm 50% cho hai năm tiếp theo (năm 2012 và 2013).
- PVD Training có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động đào tạo trong suốt quá trình kinh doanh, và thuế suất 25% cho các hoạt động khác. PVD Training được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong ba năm (từ năm 2007 đến 2009) và được giảm 50% trong bảy năm tiếp theo cho hoạt động đào tạo kỹ thuật (từ năm 2010 đến 2016), và được miễn thuế trong hai năm (năm 2005 và 2006) và được miễn 50% trong bảy năm tiếp theo (từ năm 2007 đến 2013) cho hoạt động đào tạo an toàn.
- PVD Tech có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ từ 15% đến 25% cho các hoạt động. Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi đối với Dự án Xưởng thiết kế, chế tạo, bảo dưỡng, sửa chữa các kết cấu và các cụm thiết bị dầu khí như sau:
 - Đối với hoạt động sản xuất: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và 25% trong các năm tiếp theo. PVD Tech được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo. Năm đầu tiên kinh doanh có lãi là năm 2009.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

- Đối với hoạt động dịch vụ: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng hàng năm 20% thu nhập chịu thuế trong 10 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và 25% trong các năm tiếp theo. PVD Tech được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 6 năm tiếp theo. Năm đầu tiên kinh doanh có lãi là năm 2009.
- PVD DeepWater có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trong 15 năm từ Dự án đầu tư giàn khoan PV Drilling V. PVD DeepWater được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2012 đến năm 2015) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2016 đến năm 2024).

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2013	2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Tổng Công ty	89.964.071	63.462.135
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	89.964.071	63.462.135
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	225.004.420	210.152.326
Số cổ phiếu phát hành để chi trả cổ tức	<u>25.020.480</u>	<u>25.020.480</u>
Tổng số cổ phiếu bình quân đã điều chỉnh	<u>250.024.900</u>	<u>235.172.806</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>0,36</u>	<u>0,27</u>

Theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 (VAS 30) “Lãi trên cổ phiếu”, tổng số cổ phiếu bình quân trong năm được điều chỉnh do việc Công ty đã phát hành 25.020.480 cổ phiếu để thanh toán 10% cổ tức năm 2012, như trình bày tại Thuyết minh số 23 - Vốn chủ sở hữu. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2012 đã được trình bày lại, những thay đổi so với số liệu báo cáo trước đây như sau:

	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (USD)
Số báo cáo trước đây	210.152.326	0,30
Điều chỉnh cho ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2013	<u>25.020.480</u>	<u>(0,03)</u>
Số điều chỉnh lại	<u>235.172.806</u>	<u>0,27</u>

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 và 21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty Mẹ (bao gồm vốn điều lệ, các quỹ dự trữ và lợi nhuận chưa phân phối).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	USD	USD
Các khoản vay	266.825.850	326.900.152
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(123.484.358)	(51.265.059)
Nợ thuần	143.341.492	275.635.093
Vốn chủ sở hữu	467.685.961	335.708.492
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	31%	82%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	123.484.358	51.265.059
Phải thu khách hàng và phải thu khác	191.965.547	147.090.685
Các khoản đầu tư khác	1.700.852	1.595.188
Các khoản ký quỹ, ký cược	1.427.456	1.249.512
Tổng cộng	318.578.213	201.200.444
Các khoản vay và nợ	266.825.850	326.900.152
Phải trả người bán và phải trả khác	116.647.991	114.222.455
Chi phí phải trả	73.868.995	36.914.547
Tổng cộng	457.342.836	478.037.154

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã và đang thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này trên cơ sở kiểm soát và cân đối dòng tiền (bao gồm dòng tiền ngoại tệ) và theo dõi sát sao thông tin trên thị trường để thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro phù hợp.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo**Quản lý rủi ro tỷ giá*

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, Tổng Công ty quản lý cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ thông qua việc thỏa thuận các hợp đồng kinh tế trên cơ sở đối ứng nguồn ngoại tệ phải trả nhà cung cấp với phải thu khách hàng nên đảm bảo được các giao dịch thanh toán bằng ngoại tệ, hạn chế tối đa được rủi ro về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	USD	USD	USD	USD
USD (các công ty con)	212.556.410	228.526.755	74.293.330	75.493.473
VNĐ (Công ty Mẹ)	15.739.584	18.804.873	113.705.206	47.659.586
DZD	822.903	1.135.730	2.535.728	1.677.042
SGD	638.984	492.460	17.128	15.703
EUR	277.051	268.474	8.400	187.302
Norwegian krone ("NOK")	3.557	36.910	-	-
Bạt Thái ("THB")	-	14.127	-	-
GBP	63.602	29.033	11.759	-
Đô la Úc ("AUD")	29.359	-	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty Mẹ chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Việt Nam và các công ty con chịu ảnh hưởng thay đổi tỷ giá của đô la Mỹ.

Tỷ lệ thay đổi 2% được Tổng Công ty sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Tổng Công ty về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá của đồng Việt Nam so với đô la Mỹ tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ thay đổi như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	USD	USD
Tăng/giảm lợi nhuận ở Công ty Mẹ	1.959.312	577.094
Giảm/tăng lợi nhuận ở các công ty con	2.765.262	3.060.666
Giảm/tăng lợi nhuận hợp nhất	805.950	2.483.572

Dựa trên sự phân tích tương tự cho các ngoại tệ khác thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất được Tổng Công ty đánh giá có thể xảy ra ở mức độ hợp lý là biến động tăng/giảm trong lãi suất của các khoản vay thả nổi là tăng/giảm 30 điểm cơ bản. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính tiếp theo, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 30 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng 783.626 đô la Mỹ (năm 2012: 922.659 đô la Mỹ).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo**Quản lý rủi ro về giá*

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá mức độ rủi ro tín dụng. Tổng Công ty đánh giá rằng không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ các khách hàng lớn hoạt động trong lĩnh vực dầu khí và đáng tin cậy.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2013	Dưới 1 năm USD	Từ 1- 5 năm USD	Trên 5 năm USD	Tổng cộng USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	123.484.358	-	-	123.484.358
Phải thu khách hàng và phải thu khác	191.965.547	-	-	191.965.547
Các khoản đầu tư khác	950.751	474.383	275.718	1.700.852
Các khoản ký quỹ, ký cược	667.255	760.201	-	1.427.456
Tổng cộng	317.067.911	1.234.584	275.718	318.578.213
Các khoản vay và nợ	86.968.432	156.399.494	23.457.924	266.825.850
Phải trả người bán và phải trả khác	116.647.991	-	-	116.647.991
Chi phí phải trả	73.868.995	-	-	73.868.995
Tổng cộng	277.485.418	156.399.494	23.457.924	457.342.836
Chênh lệch thanh khoản thuần	39.582.493	(155.164.910)	(23.182.206)	(138.764.623)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

31/12/2012	Dưới 1 năm USD	Từ 1- 5 năm USD	Trên 5 năm USD	Tổng cộng USD
Tiền và các khoản trương đương tiền	51.265.059	-	-	51.265.059
Phải thu khách hàng và phải thu khác	147.090.685	-	-	147.090.685
Các khoản đầu tư khác	-	480.423	1.114.765	1.595.188
Các khoản ký quỹ, ký cược	428.190	821.322	-	1.249.512
Tổng cộng	198.783.934	1.301.745	1.114.765	201.200.444
Các khoản vay và nợ Phải trả người bán và phải trả khác	93.180.949	180.876.055	52.843.148	326.900.152
Chi phí phải trả	114.222.455	-	-	114.222.455
Tổng cộng	244.317.951	180.876.055	52.843.148	478.037.154
Chênh lệch thanh khoản thuần	(45.534.017)	(179.574.310)	(51.728.383)	(276.836.710)

32. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày lập báo cáo, Tổng Công ty chưa hoàn tất việc quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho chi nhánh ở Algeria theo các thủ tục quyết toán thuế của nước sở tại. Các thủ tục quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria sẽ được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền của Algeria khi Tổng Công ty hoàn tất dự án tại Algeria và các nghĩa vụ thuế sẽ được xác định vào thời điểm đó. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin rằng sẽ không phát sinh thêm khoản nợ thuế trọng yếu nào liên quan đến việc quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria mà cần phải lập dự phòng thêm.

33. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2013 USD	2012 USD
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	2.127.371	1.650.013

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2013 USD	31/12/2012 USD
Trong vòng một năm	2.150.001	1.825.595
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.811.241	3.751.107
Sau năm năm	1.802.862	1.600.194
	6.764.104	7.176.896

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Vũng Tàu. Thời gian thuê được thỏa thuận trong các hợp đồng thuê là từ 1 năm đến 38 năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2013	2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Cung cấp dịch vụ		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	72.616.623	138.462.680
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	<u>124.781.271</u>	<u>220.778.642</u>
Mua hàng		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	14.861.250	15.353.855
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	<u>289.544</u>	<u>6.005.040</u>
Vay từ PVcomBank		
Lãi vay đã trả	12.016	89.165
Hoàn trả nợ gốc trong năm	<u>1.394.925</u>	<u>2.789.850</u>

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2013	2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Lương	258.510	305.014
Tiền thưởng	50.314	286.721
Các khoản phúc lợi khác	<u>14.635</u>	<u>11.914</u>
	<u>323.459</u>	<u>603.649</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm kế toán như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Các khoản phải thu		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	34.318.824	4.198.410
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	<u>43.386.422</u>	<u>52.167.937</u>
Các khoản phải trả		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	4.823.525	3.640.311
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	<u>107.978</u>	<u>2.441.602</u>
Các khoản vay phải trả		
PVcomBank	<u>-</u>	<u>1.394.925</u>
Lãi vay phải trả		
PVcomBank	<u>-</u>	<u>4.427</u>
Phải trả khác		
Petro Việt Nam	<u>22.648.681</u>	<u>45.484.848</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)


MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo


35. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Hội đồng quản trị Tổng Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 24 tháng 3 năm 2014.





Phạm Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2014


Hồ Ngọc Yến Phương
Phó Tổng Giám đốc


Đoàn Đức Tùng
Kế toán trưởng


Trần Kim Hoàng
Người lập biểu

